

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

PHẠM THU TRÀ

**TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG TỔ TIÊN
CỦA NGƯỜI TÀY Ở TUYÊN QUANG HIỆN NAY**

LUẬN VĂN THẠC SĨ TRIẾT HỌC

HÀ NỘI, 2016

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

PHẠM THU TRÀ

**TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG TỔ TIÊN
CỦA NGƯỜI TÀY Ở TUYÊN QUANG HIỆN NAY**

**Chuyên ngành: Triết học
Mã số: 60220301**

LUẬN VĂN THẠC SĨ TRIẾT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Hoàng Thị Lan

HÀ NỘI, 2016

LỜI CẢM ƠN

Luận văn “*Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang hiện nay*” là sự thể hiện kiến thức đã thu nhận của tác giả trong 2 năm học tại Học viện Khoa học Xã hội dưới sự chỉ dẫn tận tình của thầy cô giáo trong Học viện và đặc biệt là các thầy cô giáo trong khoa Triết học.

Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới PGS.TS Hoàng Thị Lan đã hết lòng dìu dắt, giúp đỡ, hướng dẫn tạo mọi điều kiện để tôi hoàn thành công việc nghiên cứu của mình.

Xin chân thành cảm ơn lãnh đạo Học viện Khoa học Xã hội và các thầy cô trong bộ môn Triết học đã tạo điều kiện cho tôi hoàn thành khóa học.

Cuối cùng tôi xin bày tỏ sự cảm ơn chân thành đến gia đình, người thân, bạn bè, đồng nghiệp đã khích lệ và động viên tôi hoàn thành luận văn này.

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi được thực hiện dưới sự hướng dẫn của PGS.TS Hoàng Thị Lan.

Các kết quả của luận văn chưa được công bố trong các công trình nào khác.

Các số liệu, tài liệu được sử dụng trong luận văn là trung thực, khách quan và có nguồn gốc rõ ràng.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung của đề tài.

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2016

Tác giả luận văn

Phạm Thu Trà

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1. NGƯỜI TÀY VÀ ĐẶC ĐIỂM TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG TỔ TIÊN CỦA NGƯỜI TÀY Ở TUYÊN QUANG	8
1.1. Khái quát chung về tỉnh Tuyên Quang và người Tày ở Tuyên Quang.....	8
1.2. Đặc điểm tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang	21
Chương 2. VAI TRÒ, XU HƯỚNG VẬN ĐỘNG VÀ GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG TỔ TIÊN CỦA NGƯỜI TÀY Ở TUYÊN QUANG HIỆN NAY	39
2.1. Vai trò của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên trong đời sống tinh thần người Tày ở Tuyên Quang.....	39
2.2. Xu hướng vận động của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang hiện nay.....	52
2.3. Một số phương hướng và giải pháp cơ bản nhằm phát huy mặt tích cực, hạn chế tiêu cực trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang hiện nay.....	59
KẾT LUẬN	72
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	74

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Việt Nam đang bước vào thời kỳ đổi mới, mở cửa hội nhập và giao lưu văn hóa quốc tế vì vậy những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc rất cần được bảo lưu, phát triển, chống lại nguy cơ mai một dưới tác động của nền văn hóa ngoại lai đang du nhập. Những năm gần đây, Đảng và Nhà nước ta luôn chú trọng xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc, bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trước yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững (Nghị quyết Trung ương V - khóa VIII, Nghị quyết Trung ương VII – khóa IX, Nghị quyết Trung ương IX – khóa XI). Do vậy, việc nghiên cứu, khai thác kho tàng văn hóa dân tộc, trong đó tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên có vai trò quan trọng đối với yêu cầu bảo tồn, phát triển văn hóa Việt Nam.

Tuyên Quang là một tỉnh miền núi phía Đông Bắc bộ, ở đây dân tộc Tày đứng ở vị trí thứ 2 về dân số của tỉnh. Với 185.464 người, chiếm 25,6 % dân số toàn tỉnh và 11,4 % tổng số người Tày tại Việt Nam. Người Tày ở Tuyên Quang có nền văn hóa lâu đời, phong phú, đa dạng và trong quá trình phát triển chịu ảnh hưởng của nhiều dân tộc khác. Đặc biệt, tín ngưỡng và thực hành tín ngưỡng ở người Tày rất phong phú và đa dạng. Trong đó, việc thờ cúng tổ tiên là hình thức tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống quan trọng trong đời sống của đồng bào Tày, rất cần được tìm hiểu, nghiên cứu.

Nghiên cứu tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang phản ánh những khía cạnh của cuộc sống tinh thần, giúp chúng ta nhận diện rõ hơn về quan niệm vũ trụ, nhân sinh quan, thế giới quan, ý nguyện tâm linh và các quy tắc ứng xử gia đình, cộng đồng tộc người của họ. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên cũng chuyển tải giá trị sâu sắc của người Tày ở Tuyên Quang về đạo hiếu, đạo nghĩa của người sống dành cho người chết, người sống với người sống. Nó chi phối đời sống xã hội Tày một cách lâu dài, bền bỉ, thậm chí trở thành những ràng buộc xã hội, tạo nên sức cố kết cộng đồng mạnh mẽ. Trong quá trình lịch sử lâu dài, hoạt động thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang có sự biến đổi, có những yếu tố tích cực,

có giá trị được bảo tồn bởi lễ, ngoài những vấn đề về tâm linh, nó còn mang tính nhân văn, thể hiện bản sắc độc đáo của tộc người, hàm chứa những thông tin liên quan đến lịch sử tộc người, đến quan hệ giao thoa giữa văn hóa tộc người Tày và các tộc người khác. Tuy nhiên, điều đáng lưu tâm trong hoạt động thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang hiện nay vẫn còn có những xu hướng biểu hiện tiêu cực ở một bộ phận nhỏ đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, rất cần được lý giải, tìm hiểu để có giải pháp khắc phục.

Vì vậy tôi thấy rằng, việc làm rõ đặc điểm, vai trò và xu hướng vận động của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy mặt tích cực, hạn chế tiêu cực trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang hiện nay là vấn đề cần thiết để góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa tộc người.

Với những lý do trên, tôi quyết định chọn đề tài “*Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang hiện nay*” làm đề tài luận văn thạc sĩ chuyên ngành triết học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Vấn đề tín ngưỡng, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên đã có nhiều công trình nghiên cứu dưới nhiều góc độ, nhiều hình thức khác nhau.

Ở Việt Nam đã có nhiều công trình nghiên cứu về phong tục, tín ngưỡng, tiêu biểu là các công trình sau: Toan Ánh (1992), *Tìm hiểu phong tục Việt Nam nếp cũ – tết lễ - hội hè*, Nxb Thanh niên, Hà Nội; Lê Dân (1994), *Văn hóa gia đình Việt Nam trong phát triển xã hội*, Nxb Lao động, Hà Nội; Vũ Ngọc Khánh (1994), *Tín ngưỡng làng xã*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội; Phan Kế Bính (1995), *Việt Nam phong tục*, Nxb Hà Nội; Toan Ánh (1996), *Phong tục thờ cúng trong gia đình Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội; Nguyễn Huy Linh (1996), *Tín ngưỡng thành hoàng làng Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội; Nguyễn Đức Lữ (2000), *Góp phần tìm hiểu tín ngưỡng dân gian Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội; Nguyễn Đăng Duy (2001), *Các hình thái tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Văn hoá thông tin Hà Nội; Vũ Ngọc Khánh (2001), *Tín ngưỡng dân gian Việt Nam*, Nxb

Văn hoá dân tộc, Hà Nội,... Các công trình trên chủ yếu nghiên cứu về tôn giáo, văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng dân gian nói chung của dân tộc Việt Nam.

Bên cạnh đó có một số công trình nghiên cứu chuyên biệt về tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên như: tác giả Trịnh Thị Thúy đã thực hiện đề tài: “*Giữ gìn và phát huy thờ cúng tổ tiên của người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ trong giai đoạn hiện nay*”, Luận văn thạc sĩ khoa học tôn giáo, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2004. Trong công trình này, tác giả đã làm rõ được thờ cúng tổ tiên và những giá trị cần giữ gìn và phát huy.

PGS.TS Trần Đăng Sinh với công trình “*Những khía cạnh triết học trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt ở đồng bằng bắc bộ hiện nay*”, Nxb Chính trị quốc gia, 2010, tác giả đã đi sâu, khai thác những khía cạnh triết học của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt ở đồng bằng bắc bộ, một địa bàn mang tính điển hình của văn hóa truyền thống Việt Nam.

PGS,TS Nguyễn Đức Lữ và ThS Nguyễn Thị Hải Yến với công trình: “*Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên ở Việt Nam xưa và nay (Hỏi- đáp)*”, Nxb Chính trị quốc gia-Sự thật 2013,...

Nghiên cứu sâu về dân tộc Tày ở Tuyên Quang có công trình “*Văn hoá truyền thống các dân tộc Tày, Dao, Sán Dìu ở Tuyên Quang*” do tác giả Nịnh Văn Độ chủ biên, Nxb văn hoá dân tộc, năm 2003. Công trình đã tổng hợp những nghiên cứu về lịch sử, tên gọi, cư dân, địa bàn cư trú, cơ cấu xã hội, văn hoá tín ngưỡng của các dân tộc Tày, Dao, Sán Dìu trên địa bàn Tuyên Quang

- Những công trình nghiên cứu về tín ngưỡng, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của dân tộc Tày tiêu biểu có:

Cuốn sách “*Sơ lược giới thiệu các nhóm Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam*” của nhóm tác giả Lã Văn Lô, Đặng Nghiêm Vạn, Nxb Khoa học xã hội (1968). Các tác giả đã khái quát về các tộc người Tày, Nùng, Thái đồng thời giới thiệu về văn hóa của nhóm các dân tộc này. Nghiên cứu sâu hơn về văn hóa của dân tộc Tày có cuốn “*Văn hóa Tày - Nùng*” tác giả Lã Văn Lô, Hà Văn Thư (1984). Cuốn sách đã khái quát về xã hội, con người và văn hoá của hai dân tộc người Tày, Nùng ở Việt Nam.

Trong cuốn sách tác giả cũng giới thiệu tín ngưỡng của hai dân tộc. Viện dân tộc học đã xuất bản cuốn sách “*Các dân tộc Tày – Nùng ở Việt Nam*” (1992). Trong đó đã khái quát một cách tương đối đầy đủ về dân tộc Tày, Nùng ở Việt Nam bao gồm: điều kiện tự nhiên, dân cư, lịch sử hình thành tộc người, văn hoá vật chất, văn hoá tinh thần, tổ chức xã hội... của hai dân tộc Tày, Nùng nói chung. Cuốn sách cũng chỉ ra do những nguyên nhân lịch sử hình thành và đặc điểm cư trú nên văn hóa của hai dân tộc này có nhiều nét tương đồng. Tiếp theo đó có sách “*Văn hóa dân gian Tày, Nùng ở Việt Nam*” của TS Hà Đình Thành, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2010. Cuốn sách đã khái quát về tộc người Tày, Nùng ở Việt Nam về điều kiện, đặc điểm cư trú và lịch sử hình thành tộc người. Cuốn sách cũng mô tả những đặc trưng văn hoá vật chất và văn hoá tinh thần của người Tày, nghiên cứu văn hoá dân gian của người Tày, Nùng bao gồm; văn học dân gian, nghệ thuật tạo hình dân gian, tín ngưỡng, tôn giáo và các lễ hội dân gian. Có công trình nghiên cứu “*Văn hóa tín ngưỡng Tày, Nùng*” của nhóm tác giả do Vũ Ngọc Khánh chủ biên, Viện nghiên cứu văn hóa dân gian, năm 1997 đã nghiên cứu sơ lược về các hình thức tín ngưỡng, tôn giáo Tày, Nùng và nghiên cứu sâu tín ngưỡng, tôn giáo trong văn học dân gian Tày, Nùng, tín ngưỡng Tày, Nùng qua các hình thức nghệ thuật như: Âm nhạc, múa, sân khấu, lễ hội, tranh thờ...

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, chủ nhiệm đề tài TS. Nguyễn Thị Yên: “*Hiện trạng và vai trò của các sinh hoạt văn hoá tín ngưỡng trong đời sống của người Tày, Nùng các tỉnh miền núi Đông Bắc Việt Nam*”. Đề tài đã sưu tầm, nghiên cứu một cách hệ thống các vấn đề liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo của người Tày, Nùng làm cơ sở cho việc điều tra, khảo sát thực tế sinh hoạt văn hoá của nhóm dân tộc này, vai trò và tác động của nó trong đời sống xã hội hiện tại, từ đó đưa ra những kiến nghị đóng góp cho công tác xây dựng đời sống văn hóa tinh thần của người Tày, Nùng ở miền núi Đông Bắc Việt Nam.

Đề cập sâu hơn đến tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày phải kể đến cuốn “*Tín ngưỡng dân gian Tày, Nùng*” tác giả Nguyễn Thị Yên, Nxb Khoa học xã hội, năm 2009. Tác giả đã tiến hành khảo sát hiện trạng đời sống sinh hoạt tín

ngưỡng của đồng bào Tày, Nùng hiện nay ở một số địa phương và nêu lên vai trò của tín ngưỡng trong đời sống tinh thần của người dân. Cuốn sách cũng chỉ ra những xu hướng biến đổi của các hình thức tín ngưỡng của người Tày, Nùng dưới sự tác động của cuộc sống hiện đại ngày nay.

Ngoài ra, còn rất nhiều bài viết đã được công bố trên báo và tạp chí như: Tạp chí Triết học, Tạp chí dân tộc học, Tạp chí nghiên cứu tôn giáo, Văn hoá nghệ thuật, Xưa và nay... cũng đã đề cập dưới các góc độ khác nhau về tín ngưỡng, tôn giáo nói chung và tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày nói riêng.

Nhìn chung, những công trình khoa học trên đã mang lại cái nhìn tổng quan về dân tộc Tày và những đặc trưng trong đời sống văn hóa của tộc người này bao gồm những giá trị văn hóa vật chất và những giá trị văn hóa tinh thần. Các công trình đã khái quát bức tranh văn hóa, tín ngưỡng đậm đà bản sắc dân tộc của người Tày. Một số tác phẩm khác cũng đi sâu nghiên cứu những hình thức tín ngưỡng cụ thể, trong đó có nghiên cứu tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày. Đây là nguồn tài liệu quan trọng cho việc nghiên cứu của tôi. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu trên đây chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu cụ thể và có hệ thống về tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang, về các vai trò và xu hướng vận động, biến đổi của chúng ở Tuyên Quang hiện nay.

Trên cơ sở tiếp thu, kế thừa có chọn lọc thành quả của các nhà khoa học cùng với sự nỗ lực, tìm tòi, khảo sát thực địa của bản thân, tác giả đã mạnh dạn chọn đề tài “*Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang hiện nay*” làm đề tài luận văn thạc sĩ.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích: Luận văn phân tích làm rõ đặc điểm, vai trò, xu hướng vận động của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang hiện nay, từ đó đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang góp phần vào việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá tộc người.

Nhiệm vụ:

- Trình bày khái quát về người Tày và làm rõ đặc điểm tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang.

- Làm rõ vai trò, xu hướng vận động và đề xuất một số giải pháp đối với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang hiện nay.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- *Đối tượng nghiên cứu:* Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang hiện nay.

- *Phạm vi nghiên cứu:* Đề tài: “Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang hiện nay” là đề tài khá rộng nhằm nhận diện, phân tích làm rõ thực trạng hoạt động, đặc điểm, vai trò và xu hướng vận động của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở tỉnh Tuyên Quang hiện nay. Tuy nhiên, trong phạm vi thời gian có hạn, luận văn giới hạn phạm vi nghiên cứu trên các khía cạnh: đặc điểm, vai trò và xu hướng vận động của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang.

- Thời gian nghiên cứu: Từ năm 1986 (từ khi Đảng, Nhà nước thực hiện sự nghiệp đổi mới) đến nay.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp luận:* Luận văn dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ta về tín ngưỡng tôn giáo.

- *Phương pháp nghiên cứu:* Luận văn sử dụng phương pháp luận chung là phương pháp duy vật biện chứng, duy vật lịch sử và các phương pháp như: lịch sử - logic, phân tích và tổng hợp, diễn dịch, quy nạp, so sánh... nhằm thực hiện mục đích mà luận văn đặt ra.

6. Ý nghĩa của luận văn

6.1. Ý nghĩa về mặt lý luận

Đề tài góp phần nhỏ vào việc giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của người Tày ở Tuyên Quang nói riêng và của dân tộc Việt Nam nói

chung. Đồng thời góp phần định hướng đúng đắn hoạt động thờ cúng tổ tiên của người người Tày ở Tuyên Quang hiện nay.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Đề tài góp phần làm phong phú thêm tài liệu tham khảo cho những người làm công tác giáo dục, nghiên cứu, hoạt động thực tiễn về lĩnh vực văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam nói chung và ở Tuyên Quang nói riêng, góp phần thực hiện có hiệu quả chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về tín ngưỡng, tôn giáo trong tình hình hiện nay.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 2 chương 5 tiết.

Chương 1

NGƯỜI TÀY VÀ ĐẶC ĐIỂM TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG TỔ TIÊN CỦA NGƯỜI TÀY Ở TUYÊN QUANG

1.1. Khái quát chung về tỉnh Tuyên Quang và người Tày ở Tuyên Quang

1.1.1. Khái quát chung về tỉnh Tuyên Quang

Tuyên Quang là tỉnh miền núi phía bắc Việt Nam, có vị trí địa lý từ 21⁰30' đến 22⁰41' vĩ độ bắc, từ 104⁰50' đến 105⁰35' độ kinh đông. Phía Bắc và Tây Bắc giáp tỉnh Hà Giang; phía Nam giáp tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Phúc; phía Đông và Đông Bắc giáp các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn và Thái Nguyên; phía Tây giáp tỉnh Yên Bái (*Xem bản đồ tỉnh Tuyên Quang 1.1*). Với vị trí đó, vùng Tuyên Quang là nơi hội tụ nhân dân các dân tộc gồm cư dân các tỉnh thuộc đồng bằng Bắc Bộ, miền núi Việt Bắc.

Toàn tỉnh có diện tích tự nhiên 5.868 km², chiếm 1,78% diện tích cả nước. Các đường giao thông quan trọng trên địa bàn tỉnh là quốc lộ 2 đi qua địa bàn tỉnh dài 90 km từ Phú Thọ lên Hà Giang, quốc lộ 37 từ Thái Nguyên đi qua huyện Sơn Dương, Yên Sơn đi Yên Bái. Nhờ có tuyến giao thông huyết mạch chạy trên địa bàn của tỉnh, Tuyên Quang có điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, xã hội và giao lưu văn hoá vùng miền với các tỉnh vùng núi bắc bộ, một số tỉnh thuộc trung du và đồng bằng sông Hồng ở phía nam.

Với vị trí địa lý như vậy, cư dân Tày ở tỉnh Tuyên Quang có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và đón nhận nhiều luồng văn hóa khác nhau trong quá trình sinh sống. Điều đó ít nhiều ảnh hưởng đến các loại hình tín ngưỡng dân gian trong đó có tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của đồng bào Tày.

TỈNH TUYÊN QUANG



Bản đồ tỉnh Tuyên Quang

Nguồn: Bản đồ tỉnh Tuyên Quang truy cập trên mạng Internet

Tỉnh Tuyên Quang có tổng diện tích là 5.868km, bao gồm có một thành phố (Tuyên Quang) và 6 huyện (Chiêm Hoá, Na Hang, Lâm Bình, Hàm Yên, Yên Sơn, Sơn Dương). Khí hậu nơi đây mang đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, chịu ảnh hưởng của khí hậu lục địa Bắc Á Trung Hoa có 2 mùa rõ rệt: Mùa đông lạnh, khô hạn và mùa hè nóng ẩm mưa nhiều; mưa bão tập trung từ tháng 5 đến tháng 8. Các hiện tượng như mưa đá, gió lốc thường xảy ra trong mùa mưa bão với lượng mưa trung bình hàng năm đạt từ 1.500 - 1.800 mm. Nhiệt độ trung bình hàng năm đạt 22⁰ - 24⁰ C. Cao nhất trung bình 33⁰ - 35⁰ C, thấp nhất trung bình từ 12⁰ - 13⁰ C; tháng lạnh nhất là tháng 11 và 12 (âm lịch), hay có sương muối. Khí hậu Tuyên Quang khá thuận lợi để phát triển nông nghiệp, tạo nguồn thức ăn phong phú, đa dạng cho quá trình sinh tồn và thực hiện các nghi lễ thờ cúng, trong đó có nghi lễ thờ cúng tổ tiên của người Tày.

Địa hình Tuyên Quang là miền chuyển tiếp từ địa hình núi sang địa hình đồi, trong đó địa hình núi chiếm ưu thế, núi đồi trùng điệp thung lũng sâu. Vùng cao phía bắc có độ cao trung bình 600m so với mặt nước biển, phía nam của tỉnh là vùng đồi núi thấp và các soi bãi rộng màu mỡ cùng các thung lũng lớn.

Tuyên Quang có hệ thống sông ngòi dày đặc và phân bố tương đối đồng đều. Toàn tỉnh có khoảng 500 sông suối lớn nhỏ chảy qua các sông chính như: Sông Lô, Sông Gâm, Sông Phó Đáy. Mạng lưới sông ngòi của Tuyên Quang có vai trò quan trọng đối với sản xuất và đời sống của dân cư, vừa là giao thông đường thủy, vừa là nguồn cung cấp nước cho nông nghiệp, cho nuôi trồng và đánh bắt thủy sản. Đặc biệt sông Lô và sông Gâm có tiềm năng về thủy điện. Ở các huyện Na Hang, Chiêm Hoá, Sơn Dương đã xuất hiện một số công trình thủy điện nhỏ phục vụ sinh hoạt, góp phần nâng cao đời sống văn hoá cho nhân dân các dân tộc trong đó có người Tày. Người Tày thường cư trú dọc các con sông, suối. Họ biết tận dụng nguồn nước trong quá trình sinh hoạt, sản xuất. Tuy nhiên, vào mùa mưa ngập lụt xảy ra cũng đe dọa rất lớn đến sản xuất và đời sống của người dân.

Tuyên Quang có thảm thực vật phong phú và đa dạng, nhiều loại động vật mang đặc trưng của vùng nhiệt đới và á nhiệt đới. Thực vật bao gồm đình, lát, lim,

mỡ, bạch đàn, tre, nứa, vầu, cây thuốc.... Động vật có hươu, nai, lợn rừng, nhím, sóc, cầy, chim, gà lôi, ong... Tuy nhiên, đến nay tài nguyên rừng đã bị khai thác nhiều, trữ lượng gỗ thấp. Hiện nay, đất rừng đang được đồng bào gây trồng với chương trình 135. Tài nguyên khoáng sản chủ yếu là quặng, thiếc, mangan, đá vôi, đất sét, than...

Kinh tế của tỉnh với sản xuất nông, lâm nghiệp chiếm ưu thế. Nền sản xuất hàng hoá đang trong quá trình phát triển. Mô hình kinh tế trang trại tương đối phát triển. Đến năm 2015, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân trên 14%/năm. GDP bình quân đầu người đạt 1.300 USD, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ. Có thể thấy những năm vừa qua Tuyên Quang không ngừng đổi mới và đạt được những kết quả khả quan. Tốc độ tăng trưởng kinh tế tương đối cao, cơ cấu các ngành kinh tế chuyển dịch theo hướng tiến bộ, tạo đà cho việc phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn, đời sống nhân dân từng bước được nâng cao.

Văn hoá, xã hội luôn được tỉnh quan tâm, chú trọng. Đến nay, toàn tỉnh có trên 70% số thôn, bản, tổ nhân dân đạt danh hiệu văn hoá; trên 80% số hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hoá; 97% dân số được phủ sóng phát thanh; 87% dân số được phủ sóng truyền hình. Tuyên Quang đã giải quyết việc làm cho 80.000 lao động, giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới bình quân 3 – 4%/năm.

Dân số toàn tỉnh tính đến năm 2013 là 746.700 người, với mật độ 127 người/km². Dân số trong độ tuổi lao động là 377.314 người, chiếm 50,53% dân số toàn tỉnh. Trên địa bàn tỉnh có 38 dân tộc cùng sinh sống đan xen, mỗi dân tộc có truyền thống văn hoá riêng, vừa đậm đà bản sắc, đồng thời vừa có sự giao thoa ảnh hưởng lẫn nhau. Trong đó có 12 dân tộc có số dân trên 100 người. Các dân tộc có số dân đông hơn cả là: Kinh (46,22%), Tày (25,59%), Dao (12,5%), Sán Chay (8,46%), Mông (2,34%), Nùng (1,96%), Hoa (0,83%)... Có số dân ít hơn là các dân tộc Pà Thẻn, Mường, Thái, La Chí, Gia Rai, Ê Đê, Giáy, Cơ Lao...[56, tr. 154].

Có thể nói, các yếu tố môi trường, tự nhiên, kinh tế, xã hội đều trực tiếp hay gián tiếp chi phối đời sống của nhân dân các dân tộc trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

nói chung và đời sống của người Tày nói riêng. Các đặc điểm địa lý, địa hình, đất đai, khí hậu, thủy văn... đã tạo cho khu vực cư trú của đồng bào Tày một tiềm năng phát triển nông, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp, cải thiện cuộc sống. Người Tày đã biết tận dụng mọi khả năng do thiên nhiên ban tặng để tổ chức cuộc sống này. Tuy nhiên, trình độ và phương pháp sử dụng còn thô sơ, lạc hậu nên đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Tày còn thấp kém.

1.1.2. Người Tày ở Tuyên Quang

Dân tộc Tày có số dân đông nhất trong các dân tộc thiểu số ở nước ta hiện nay và phân bố rải rác ở khắp các tỉnh thượng và trung du Bắc bộ. Về danh xưng Tày là tên đồng bào tự gọi (Theo các nhà dân tộc học thì tên gọi này có từ nửa cuối của thiên niên kỉ thứ nhất sau công nguyên) và ngày nay trở thành tên gọi chính thức của dân tộc thay cho tên gọi là “Thổ” trước kia.

Tộc người Tày được hình thành trong mối quan hệ đa dạng, đan xen và giao lưu với các tộc người khác. Người Tày ở Việt Nam hiện nay là sự tập hợp của nhiều thành phần như người Tày bản địa, người Tày gốc Kinh, người Nùng hóa Tày, bộ phận người Tày gốc Tày, Thái, Nùng từ Trung Quốc di cư sang.

Nghiên cứu về người Tày bản địa, qua các tài liệu lịch sử, khảo cổ học, truyền thuyết dân gian... các nhà nghiên cứu trong nước đã cho rằng trong lịch sử xa xưa, một bộ phận người nói ngôn ngữ Tày – Thái cổ đã có mặt ở khu vực Việt Bắc của Việt Nam. Một số cứ liệu và truyền thuyết còn cho rằng. Vào cuối thế kỷ III TCN, thủ lĩnh người Tày cổ là Thục Phán đã lãnh đạo người Âu Việt và Lạc Việt chống lại cuộc xâm lược của quân Tần thắng lợi, lập nên nước Âu Lạc và đóng đô ở Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội, lấy hiệu là An Dương Vương. Đây có thể coi là một trong những minh chứng về sự có mặt của người Tày Cổ.

Nguyễn Thị Yên trong cuốn “Tín ngưỡng dân gian Tày, Nùng” cho rằng: “Bộ phận người nói ngôn ngữ Tày - Thái cổ ở vùng thượng du, trải qua thời gian cùng với sự diễn biến của các quá trình lịch sử tộc người, cùng với sự phân định của biên giới Việt - Trung đã dần tách khỏi tộc người - ngôn ngữ Choang vùng Lương Quảng mà hình thành nên tộc người Tày - Thái ở Việt Nam” [73, tr. 31].

Theo ông Vũ Ngọc Khánh trong “Văn hóa tín ngưỡng Tày, Nùng” đã nhận định: “Người Tày và người Nùng, cùng thuộc khối cư dân Bách Việt từ xưa, là khối cư dân cư trú lâu đời trên giải đất nam Trung Quốc và bắc Việt Nam. Khi có sự thiết lập đường biên giới hai quốc gia Trung Việt thì nhóm dân cư Tày, Nùng này mới phát triển những nét riêng biệt. Nhóm cư dân bên này chịu ảnh hưởng văn hoá của người Việt thành nhóm Tày, Nùng. Nhóm bên kia chịu ảnh hưởng của văn hoá người Hán được gọi là nhóm Choang Đồng” [36, tr. 13].

Những người “Tày hóa”: Bộ phận người Tày gốc Kinh, yếu tố này làm nên diện mạo văn hóa vô cùng đặc sắc trong văn hóa người Tày. Trong quá trình lịch sử, người Kinh lên cư trú ở vùng người Tày rồi bị đồng hóa thành người Tày đó cũng là điều dễ hiểu. Một bộ phận người Kinh bị đồng hóa là do nhiều nguyên nhân khác nhau như: Được bổ nhiệm làm quan, là binh lính được điều lên đồn trú, lánh nạn do bị thất thế, do tha phương tìm nơi làm ăn...Nổi bật nhất là sự kiện vào thế kỷ XVI, nhà Mạc thất thế ở miền xuôi sau đó chạy đi tản loạn lên Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn. Hiện nay vẫn còn dấu tích thành nhà Mạc ở Tuyên Quang. Sau khi bị triều đình nhà Lê đánh bại, con cháu nhà Mạc thay tên đổi họ sống hòa nhập cùng với cộng đồng người bản xứ. Ngoài ra còn có những người đến đây ở, lấy vợ, lấy chồng người Tày, chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa Tày và trở thành người Tày. Bộ phận người Nùng hóa Tày: Với những đặc điểm tương đồng về ngôn ngữ, phương thức sinh hoạt sản xuất và nhiều phương diện giữa hai tộc người này mà dưới triều đại nhà Nguyễn đã có chủ trương đổi tộc người Nùng sang tộc Thổ - chính là người Tày bản địa. Khi viết về người Nùng ở Tuyên Quang, trong sách Kiến văn tiểu lục ở thế kỷ XVIII, tác giả Lê Quý Đôn có ghi chép về nguồn gốc của người Nùng là từ 12 thổ châu của Trung Quốc di cư sang. Tuy nhiên theo như số liệu điều tra thì đến những năm 60 của thế kỷ XX ở Tuyên Quang chỉ có 1200 người Nùng và có tới 32000 người Tày. Điều này chứng tỏ rằng, người Nùng bị Tày hóa là khá phổ biến.

Người Tày ở Tuyên Quang hiện nay gồm người gốc Tày ở đây từ lâu đời, nhưng cũng có bộ phận người được “Tày hoá” từ các dân tộc khác đến sống ở vùng

người Tày. Ngoài ra còn có người Tày ở các tỉnh lân cận di cư đến Tuyên Quang. Tuyên Quang là tỉnh có nhiều dân tộc sinh sống đan xen.

Theo số liệu của cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 dân số Tày ở Tuyên Quang là 185.464 người, đứng thứ hai sau dân tộc Kinh, chiếm 25,6% dân số toàn tỉnh [57, tr. 152].

Ở khu vực nông thôn, người Tày thường sống tập trung thành từng làng (bản), tạo thành các quần thể riêng, đây là đặc điểm nổi bật của các làng người Tày truyền thống. Còn ở các vùng thành phố, thị trấn họ sống xen kẽ với các dân tộc khác, chủ yếu là dân tộc Kinh. Dân tộc Tày định cư ở Tuyên Quang từ lâu đời, trong quá trình tồn tại và phát triển, người Tày và các dân tộc khác như Kinh, Dao, Sán Dìu,... có sự giao thoa lẫn nhau.

Trong điều kiện giao lưu kinh tế, văn hóa vùng miền thuận tiện như hiện nay, các mối quan hệ tộc người càng thêm gắn bó hơn, đặc biệt mối quan hệ giữa các dân tộc Nùng, Kinh, Tày...

Trên thực tế, một số hiện tượng văn hóa của dân tộc giao thoa mạnh mẽ, khiến cho các nhà nghiên cứu về văn hóa khó có thể phân biệt được một cách rõ ràng. Mặc dù vậy, một số yếu tố văn hóa của tộc người Tày vẫn tồn tại và có bản sắc khá riêng biệt. Có thể khái quát một số đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội của người Tày ở Tuyên Quang như sau:

* Đặc điểm kinh tế:

Đời sống kinh tế của người Tày dựa vào canh tác nông nghiệp là chủ yếu, họ trồng lúa nước trên những thửa ruộng bậc thang có điều kiện tự nhiên thuận lợi, đất đai màu mỡ, nằm ven các con sông, con suối tạo thành những cánh đồng rộng lớn. Từ xa xưa, đời sống của những cư dân Tày cổ đã gắn liền với ngành trồng lúa nước nên họ có rất nhiều kinh nghiệm trong canh tác, từ việc chọn đất, kỹ thuật làm đất, chăm sóc và thu hoạch. Cùng với nông nghiệp trồng lúa, người Tày còn khai thác những khu vực sườn đồi trồng các loại cây lương thực ngắn ngày như: cây ngô, đậu tương, lạc...và một số loại cây ăn quả đặc sản, cây lấy gỗ, dược liệu...và phát triển ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm. Ngành chăn nuôi trong các gia đình người Tày

cũng phát triển khá mạnh, chủ yếu là nuôi trâu, ngựa, lợn, gà vịt, nuôi cá là chính. Trước đây chăn nuôi của người Tày chủ yếu để cung cấp sức kéo nông nghiệp và thực phẩm cho các dịp ma chay, cưới xin, lễ tết... Ngày nay, các gia đình người Tày còn nuôi lợn, gà, vịt, cá để cải thiện các bữa ăn hàng ngày và để bán tăng thêm thu nhập cho gia đình. Trước đây, vật nuôi chủ yếu nhốt dưới gầm sàn, ngày nay, chuồng trại chăn nuôi đã tách biệt với nhà ở.

Ngoài trồng trọt và chăn nuôi, người Tày ở Tuyên Quang còn làm các nghề thủ công như mộc, đan lát nhưng chủ yếu mang tính tự cung tự cấp trên cơ sở nguồn nguyên liệu sẵn có. Hiện nay, nghề đan lát, đặc biệt là nghề đan cót, làm mảnh chiếu đang phát triển rất mạnh trong cộng đồng người Tày ở các huyện Chiêm Hoá, Na Hang và trở thành những sản phẩm hàng hoá mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Với điều kiện kinh tế như trên đã góp phần nâng cao đời sống vật chất của người Tày so với trước đây, điều đó cũng có ảnh hưởng rất lớn đến các hình thức sinh hoạt tín ngưỡng, đặc biệt là tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của đồng bào Tày.

* Đặc điểm văn hóa, xã hội.

Làng bản, nhà cửa: Người Tày thường sinh sống ở dưới chân núi, hay những vùng thung lũng thấp, bản làng của người Tày được tổ chức xã hội theo cơ chế tự quản. Người đứng đầu được gọi là trưởng bản là người có uy tín, biết và am hiểu vùng đất sinh sống, hiểu được phong tục tập quán, mối quan hệ giữa các dòng họ và điều hành mọi hoạt động của làng bản. Làng, bản của người Tày sống tập trung theo vùng khoảng từ 15 - 30 ngôi nhà, cư trú theo dòng họ, hoặc là mối quan hệ xã hội thông thường.

Người Tày sinh sống luôn có tư tưởng ổn định về nơi ở. Nhà ở của người Tày là nhà sàn. Nhà sàn có hai loại, loại to gọi là “lườn tảng”, loại nhỏ “lườn giáo”, đây là loại hình nhà ở chủ yếu của các dân tộc Tày, Nùng, Thái... Nhà sàn của người Tày hoàn toàn được xây dựng để phù hợp với địa hình và khí hậu, đồng thời tránh được thú dữ tấn công.

Nhà sàn là kiểu nhà truyền thống và phổ biến trong cộng đồng người Tày ở Tuyên Quang. Nhà sàn truyền thống được thiết kế theo kiểu nhà bốn mái, gồm hai

mái chính phía trước, sau và hai mái phụ làm thấp hơn ở hai đầu hồi. Nhà được thiết kế theo kiểu nhà ngang, có năm gian hoặc ba gian. Các ngôi nhà sàn được lợp bằng lá cọ hay ngói âm dương. Xung quanh ngôi nhà được bung kín bằng gỗ hoặc bằng phen tre đan, sàn nhà được ken bằng giác tre mai già, gia đình khá giả lát bằng ván xẻ tạo sự thông thoáng cho ngôi nhà.

Trong ngôi nhà sàn truyền thống của người Tày được chia ra làm nhiều gian khác nhau được bung bằng ván gỗ hoặc bằng phen tre tạo thành những căn phòng riêng. Vị trí sinh hoạt của các thành viên trong ngôi nhà được quy định rõ ràng. Gian giữa là nơi trang trọng nhất của ngôi nhà và cũng là nơi đặt bàn thờ tổ tiên đối diện với cửa chính (bàn thờ lại đặt quay mặt ngược lại so với hướng nhà), đối diện bàn thờ tổ tiên là nơi làm giường nằm cho khách, ở giữa đặt bếp lửa là nơi chủ nhà tiếp khách, hoặc bàn bạc những việc đại sự của gia đình. Phía bên tay trái của bàn thờ là nơi giường nằm của chủ nhà, tiếp đó là đến giường nằm của con cái trong gia đình. Vị trí bếp được làm tách riêng thành một gian ở trái nhà hoặc đằng trước, đồ dùng, công cụ lao động của gia đình được đặt ở gian bếp.

Ngày nay, nhà sàn của người Tày đang bị thu hẹp do rừng bị tàn phá dẫn tới nguồn tài nguyên gỗ ngày càng khan hiếm, nên nhiều gia đình đã chuyển sang ở nhà đất (khung gỗ) hoặc nhà xây bán kiên cố. Tuy nhiên, đặc điểm truyền thống nổi bật trong ngôi nhà sàn của người Tày là cách bố trí nơi tiếp khách, bàn thờ tổ tiên ở giữa nhà vẫn lưu lại được.

Trang phục: Trang phục truyền thống của nam nữ dân tộc Tày ở Tuyên Quang giống như người Tày ở các tỉnh vùng núi phía bắc Việt Nam, trang phục thường được may bằng vải sợi bông hoặc tơ tằm do đồng bào tự dệt, vải may được nhuộm sang màu chàm thường không có hoa văn trang trí

Bộ y phục của nam được thiết kế đơn giản so với y phục của nữ giới. Y phục nam giới Tày gồm có áo cánh 4 thân, áo dài 5 thân, đầu đội mũ, chân đi giày vải. Áo cánh được may theo kiểu xẻ giữa ngực, có 7 cúc và khuy, có túi ở hai vạt trước. Khi đi dự hội, nam giới Tày mặc áo dài 5 thân buông vạt trùm qua cặp quần xuống đến đầu gối, có 5 cúc cài sang nách phía phải. Quần ống rộng cắt theo kiểu chân

què, đũng rộng, ống quần vừa phải, kéo đến mắt cá chân. Phần cạp được may rộng hơn, khi mặc họ thường xắn cạp về đằng trước và dùng dây vải buộc. Khi đi làm hoặc đi hội, nam giới Tày thường đội khăn vấn theo hình chữ nhân, về sau này họ chuyển sang đội mũ nồi, còn khi đi làm đồng họ đội nón cọ.

Y phục của nữ giới Tày gồm có áo cánh, áo dài 5 thân, quần, váy, thắt lưng, khăn đội đầu, đi hài vải. Áo cánh bốn thân được may theo kiểu áo xẻ ngực, cổ tròn nhỏ, phần tà hơi loe, có hai túi nhỏ đằng trước, áo được may bằng vải bông hoặc vải lụa. Đây là kiểu áo phổ biến mà phụ nữ Tày hay mặc. Ngoài ra, phục nữ Tày còn mặc kiểu áo 5 thân giống nam giới nhưng chùng đến mắt cá chân, được thắt eo và tay áo nhỏ hơn, cổ tròn ôm khít cổ, cài cúc nách. Phụ nữ Tày mặc kiểu quần lá toạ, gần giống với kiểu quần của nam giới nhưng được làm nhỏ, gọn hơn. Ở một số vùng như Chiêm Hoá, Na Hang, những người phụ nữ Tày trung tuổi vẫn còn mặc váy. Váy của người Tày là loại váy kín gồm có ba phần là phần cạp, phần thân và phần gấu. Đi kèm với trang phục, người phụ nữ Tày thường dùng thắt dây lưng làm bằng sợi bông quấn quanh eo tạo lên đường cong của cơ thể. Khi ra đường người phụ nữ Tày thường đội khăn vuông, được gấp theo đường chéo, được vấn theo theo hình mỏ quạ. Còn những cô gái thì vấn tóc thành vòng tròn quanh đầu. Ngoài quần, áo, khăn, thắt lưng, giày, phụ nữ Tày còn đeo vòng cổ, vòng tay, hoa tai bằng bạc.

Ngày nay, nghề trồng bông, dệt vải nhuộm chàm ở Tuyên Quang bị mai một, hầu như không còn nữa, quần áo truyền thống của nam, nữ dân tộc Tày hiện chỉ còn thấy ở những người lớn tuổi hoặc các cụ già mặc trong các dịp lễ tết, cầu cúng... Nam nữ, thanh niên đều mặc âu phục trong sinh hoạt hàng ngày là phổ biến.

Ẩm thực: Bữa ăn hàng ngày của người Tày rất bình dị nhưng cũng có những nét đặc sắc rất riêng. Với bản sắc là cư dân nông nghiệp, người Tày có tập quán ăn cơm. Lương thực gồm gạo nếp, gạo tẻ, ngô, khoai, sắn. Thực phẩm dùng trong bữa ăn gồm các loại rau tự trồng, rau thu hái ở tự nhiên như rau dớn, mộc nhĩ, nấm hương, các loại thịt gia súc, gia cầm do chăn nuôi; thịt thú rừng, chim săn bẫy được; các loại cá, tôm nuôi hoặc đánh bắt. Nguồn cung cấp thịt, cá không phải lúc nào cũng dồi dào, vậy nên họ đã nghĩ ra nhiều cách chế biến ẩm thực khác nhau để đảm

bảo cho những lúc thiếu thốn. Thịt lợn được chế biến thành món thịt lạp, thịt lạp treo gác bếp để được rất lâu trong năm. Ngoài ra trên vùng đồng bào còn có nhiều con suối, con ngách nhỏ rất nhiều cá, vậy nên họ còn chế biến món hém cá, đồng bào gọi là “Pia bằm” nghĩa là mắm cá ruộng, đây là món ăn ngon mang bản sắc của người Tày.

Phụ nữ Tày vào dịp lễ tết, nhà nhà đều trở tay làm bánh, các loại bánh được chế biến từ gạo, ngô, khoai... như: bánh chưng, bánh dày, bánh gai, bánh gio, bánh trôi, bánh dợm, hay các loại xôi: xôi trứng kiến (được làm từ trứng kiến), xôi ngũ sắc (làm từ 5 loại lá và củ). Mỗi khi có ngày lễ, ngày tết phụ nữ Tày làm rất nhiều các loại bánh, loại xôi, được gói vào lá chuối, lá rong, được bày biện lên khay đĩa để cúng trình tổ tiên sau một năm gặt hái.

Đồng bào Tày thường uống nước trà, các loại lá vôi, chè dây... là những loại lá dễ kiếm, giải khát tốt. Trong sinh hoạt thường ngày, khi có khách và vào các dịp lễ tết thì họ uống rượu. Đồng bào Tày có một loại rượu đặc sản – rượu ngô, vùng Na Hang rượu ngô ngon có tiếng. Nhìn chung người Tày cũng giống như các dân tộc ở miền núi họ biết dùng những sản vật tự nhiên ban tặng để chế ra các loại đồ uống hợp với điều kiện sinh hoạt của gia đình, của cộng đồng.

Văn hoá tinh thần: Tộc người Tày ở Tuyên Quang cũng giống như tộc người Tày cư trú ở vùng núi phía bắc Việt Nam, quan niệm người sống thì có hồn (khoăn), người chết thì thành ma (phi) từ đó đã hình thành nhiều hình thức tín ngưỡng khác nhau của dân tộc này như: Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ Mẹ Hoa, thờ thổ thần, thờ tổ sư, thờ các vị thần linh gắn với các hiện tượng tự nhiên, gắn với bản mệnh của làng.

Các ngày tết và lễ hội chính trong năm của người Tày đó là: Tết Nguyên Đán, lễ hội Lồng tồng (xuống đồng) vào dịp mùa xuân đầu năm mới, Tết Thanh Minh mừng 3 tháng 3, Tết Đoan Ngọ mừng 5 tháng 5, tết rằm tháng bảy.... Trong các dịp tết và lễ hội này ngoài các nghi lễ thì người dân thường tổ chức những sinh hoạt văn hóa cộng đồng như: Hát then, hát lượn.

Đồng bào Tày còn có một kho tàng tri thức văn hóa dân gian tương đối phong phú và độc đáo, đó là câu truyện truyền miệng, truyện viết bằng tay, thơ, ca, hò vè... Nổi bật là các làn điệu then, điệu hát lượn, một lối hát giao duyên của nam nữ thanh niên. Nghệ thuật âm nhạc của đồng bào Tày khá phát triển, nhạc cụ tuy không phong phú nhưng cũng rất độc đáo bao gồm trống, thanh la, nã bạt, chũm chọe, chuông, nhạc xóc, sáo...

Có thể nói, kho tàng văn hóa nghệ thuật dân gian của đồng bào Tày vô cùng phong phú, ngày nay được đồng bào coi như một món ăn tinh thần không thể thiếu được trong đời sống sinh hoạt và trong đời sống xã hội của cộng đồng.

Về xã hội: Quan hệ gia đình của đồng bào Tày thuộc loại gia đình nhỏ phụ hệ, trong gia đình có từ hai thế hệ trở lên cùng sinh sống, tuy nhiên cũng có nhiều gia đình từ ba đến bốn thế hệ cùng chung sống gồm ông bà, cha mẹ, con cháu.

Trong gia đình đồng bào Tày, người chồng, người bố bao giờ cũng là trụ cột, gia đình mang tính chất phụ quyền, người chủ trong gia đình có vị trí quan trọng quyết định những việc hệ trọng như việc thờ cúng, tổ chức sản xuất, làm nhà, tổ chức việc cưới, việc tang... Chỉ có gia đình nào khi đàn ông không còn nữa, người phụ nữ sẽ thay người đàn ông quan xuyên việc gia đình. Tuy vậy, khi gia đình có công việc lớn họ đều tham khảo ý kiến của dòng họ và coi trọng ý kiến tham gia của họ.

Hôn nhân của người Tày theo chế độ một vợ, một chồng, khi xưa còn có tục tảo hôn, gả bán con cho nhau mang tính chất mua bán đậm nét. Ngày nay, nam nữ có quyền tự do tìm hiểu và đi đến hôn nhân.

Người Tày ở Tuyên Quang có nhiều dòng họ, nhưng đông nhất là các dòng họ: Ma, Lương, Chẩu và Hoàng. Tôn ti trong gia đình người Tày gần giống như người Kinh về cách gọi, cách xưng hô và ngôi thứ.

Quan hệ cộng đồng: Trong các bản làng của người Tày ở Tuyên Quang thường là quan hệ họ hàng thân thuộc, gắn bó mật thiết, thân thiện, tối lửa tắt đèn có nhau. Khi gia đình nào có việc (đám cưới, nhà mới, đám tang...) mọi người trong bản đều quan tâm, chia sẻ, đóng góp vật chất, tinh thần. Vì vậy, dù giàu hay nghèo,

mỗi gia đình vẫn có thể lo cho con cái một đám cưới chu toàn, lo báo hiếu cha mẹ chu đáo, trọn vẹn theo đúng lễ tục truyền thống.

Tóm lại, người Tày ở Tuyên Quang sinh sống ở các vùng đất có điều kiện tự nhiên khá thuận lợi. Tuy nhiên, thiên tai luôn đe dọa cuộc sống, thêm vào đó, nền kinh tế thuần nông, thu nhập thấp, đời sống còn gặp nhiều khó khăn, khiến cư dân Tày chưa thể vượt khỏi niềm tin có lực lượng siêu nhiên chi phối.

Làng bản của người Tày là sự gắn kết các gia đình hạt nhân phụ hệ, trong đó tồn tại rất nhiều mối quan hệ ràng buộc của các thành viên trong gia đình. Các mối quan hệ này được điều chỉnh bằng thiết chế luật pháp của nhà nước và luật tục của dân cư, nguyên tắc sống trong gia đình, tạo nên sức cố kết cộng đồng chặt chẽ trong cuộc sống cũng như trong thờ cúng tổ tiên.

Có thể nói, điều kiện tự nhiên, môi trường, dân cư và quá trình di cư từ các tỉnh lân cận đến Tuyên Quang, cộng cư với các dân tộc láng giềng (Kinh, Dao, Sán diu, Sán Chay, Hoa, H Mông, Nùng,...) đã tạo cho người Tày có những đặc điểm kinh tế, văn hóa xã hội vừa chung của Tuyên Quang vừa có những nét văn hóa riêng. Nét riêng dễ nhận thấy trong văn hóa của người Tày phải kể đến ngôi nhà sàn, chiếc áo chàm và những làn điệu hát then, hát lượn, phong shư... phong phú. Đặc biệt trong nét riêng ấy là tập tục giữ gìn tôn ti trật tự gia đình trong cuộc sống hàng ngày và các nghi lễ thờ cúng.

Tất cả những điều kiện hiện thực ấy đã nảy sinh, nuôi dưỡng niềm tin, tín ngưỡng, tôn giáo, chi phối cách ứng xử của các thành viên trong gia đình, cộng đồng Tày ở Tuyên Quang với môi trường, xã hội và cả thế giới thần linh – nơi cư ngụ của những linh hồn sau khi chết. Vì vậy, việc tổ chức, thực hiện các nghi lễ và cách ứng xử trong thờ cúng không chỉ gắn liền với xã hội hiện thực ấy mà còn gắn liền với niềm tin tôn giáo, tín ngưỡng về thân phận con người ở thế giới vô hình, thế giới của những linh hồn và thế giới thực tại. Chính vì vậy, thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang cũng được coi là một biểu hiện của sự phản ánh hư ảo những quan niệm về vũ trụ, thần linh, ma quỷ, lực lượng siêu nhiên... chi phối cuộc sống thường ngày của họ, khiến người ta hành lễ thờ cúng tang ma,... để vượt qua

sự sợ hãi, rủi ro trong cuộc sống, cầu xin sự ban phúc, sức khỏe, cuộc sống bình an, sung túc cho gia đình, người thân và cộng đồng.

1.2. Đặc điểm tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang

1.2.1. Khái niệm tín ngưỡng, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên

** Khái niệm tín ngưỡng*

Tín ngưỡng là một hiện tượng lịch sử xã hội, thuộc lĩnh vực tinh thần của đời sống xã hội. Tín ngưỡng ra đời, tồn tại và phát triển gắn với lịch sử phát triển của nhân loại. Có nhiều cách tiếp cận và mục đích nghiên cứu nên có nhiều cách hiểu khác nhau về tín ngưỡng.

Chủ nghĩa duy tâm khách quan với quan niệm của Platon, Heghen đã xuất phát từ thực thể tinh thần, “ý niệm”, “ý niệm tuyệt đối” để lý giải các hiện tượng tôn giáo, tín ngưỡng. Heghen cho rằng, khởi nguyên của thế giới là “ý niệm tuyệt đối” hay “tinh thần thế giới”. Tính phong phú, đa dạng của thế giới hiện thực là kết quả của sự vận động và sáng tạo của “ý niệm tuyệt đối”. “Ý niệm tuyệt đối” tồn tại vĩnh viễn. Do đó, quan điểm của các nhà triết học duy tâm là sự biện hộ cho tín ngưỡng, tôn giáo, họ xem tín ngưỡng tôn giáo là sức mạnh thần bí thuộc tinh thần tồn tại vĩnh hằng, là nhân tố chủ yếu đem lại sinh khí cho con người.

Các nhà triết học duy tâm chủ quan lại cho rằng, tín ngưỡng là thuộc tính vốn có trong ý thức của con người, tồn tại không phụ thuộc vào hiện thực khách quan.

Theo C.Mác thì tín ngưỡng, về bản chất, là sản phẩm của con người sống trong những điều kiện kinh tế, xã hội, chính trị, văn hóa cụ thể nào đó. Tín ngưỡng thuộc đời sống tinh thần của xã hội, phản ánh tồn tại xã hội và chịu sự quy định của tồn tại xã hội. Chính con người đã thần thánh hóa, khoác cho thần thánh những sức mạnh siêu nhiên, tạo thành cái bản chất khác mình và trở thành chỗ dựa cho chính mình.

Các nhà nghiên cứu của Việt Nam cũng đã đưa ra nhiều quan điểm khác nhau về tín ngưỡng như sau:

Từ điển tôn giáo xác định: “Tín ngưỡng là lòng tin và sự ngưỡng mộ, ngưỡng vọng vào một lực lượng siêu nhiên, thần bí, lực lượng siêu nhiên đó có thể

mang hình thức biểu tượng là “Trời”, “Phật”, “Chúa”, “Thánh”, “Thần” hay một sức mạnh hư ảo, huyền bí, vô hình nào đó tác động đến đời sống tâm linh của người ta, được con người tin là có thật và tôn thờ”. [30, tr 634-635].

GS. Đặng Nghiêm Vạn cho rằng, Ở nước ta hiện nay, tín ngưỡng có thể được hiểu theo hai nghĩa: Thứ nhất, khi nói về tự do tín ngưỡng thì có thể hiểu đó là tự do về ý thức, tự do về tín ngưỡng, tôn giáo. Thứ hai, tín ngưỡng còn được hiểu với nghĩa rộng bao trùm lên tôn giáo, là một bộ phận chủ yếu nhất cấu thành tôn giáo, mọi tôn giáo đều có yếu tố cấu thành là tín ngưỡng.

Trong Việt Nam văn hóa sử cương, nhà nghiên cứu Đào Duy Anh cho rằng: “Tín ngưỡng là lòng ngưỡng mộ, mê tín đối với một tôn giáo hoặc một chủ nghĩa ” [1, tr 283].

Trần Đăng Sinh lại đi sâu phân tích khái niệm tín ngưỡng trên cơ sở năm đặc trưng:

1, Xem xét tín ngưỡng gắn với đời sống tinh thần nói chung.

2, Xem xét tín ngưỡng như là kết quả của sự hình thành và phát triển các quan hệ xã hội, có tác động trở lại các quan hệ đó.

3, Xem xét tín ngưỡng như là phương thức biểu hiện niềm tin của con người vào cái thiêng liêng, biểu hiện sự bất lực của họ trước sức mạnh thống trị của lực lượng tự nhiên và xã hội.

4, Xem xét tín ngưỡng như một hiện tượng lịch sử - văn hóa có quy luật hình thành và vận động, biến đổi riêng.

5, Xem xét tín ngưỡng như là một bộ phận của ý thức xã hội trong quan hệ với tôn giáo, văn hóa, ngôn ngữ, triết học, lịch sử, nghệ thuật, khoa học.

Sự tổng hợp, đan xen của năm đặc trưng trên tạo thành lát cắt bởi điểm giao nhau nói lên đặc trưng chung nhất của tín ngưỡng. [49, tr 32-33].

Tín ngưỡng theo cách hiểu “thông thường” là tín ngưỡng tôn giáo. Tuy nhiên, tín ngưỡng và tôn giáo về nội dung và hình thức phản ánh, tuy có sự tương đồng, song cũng có sự khác biệt ở nhiều phương diện.

Tín ngưỡng được hình thành từ chính cuộc sống của con người, tín ngưỡng phản ánh tự nhiên, chưa có cơ sở lý luận hoàn bị. Do đó, tín ngưỡng mang tính chất

dân gian, gắn với sinh hoạt văn hóa dân gian. Tín ngưỡng hình thành và tồn tại dựa trên cơ sở niềm tin vào các phép lạ, thần linh, tổ tiên. Vì vậy, tín ngưỡng gắn liền với các phong tục, tập quán của con người. Ở tín ngưỡng chưa có hệ thống giáo lý, nơi thờ cúng và nghi lễ còn mang tính đơn giản. Còn tôn giáo được hình thành và tồn tại trên cơ sở lý luận chặt chẽ, có tính hệ thống và khái quát, có hệ ý thức và tâm lý tôn giáo. Ở trong tôn giáo, các nghi lễ được đặc biệt coi trọng và mang tính hệ thống, được quy định chặt chẽ bởi giáo lý, giáo luật, mang tính chất bắt buộc với các tín đồ.

Tác giả Ngô Đức Thịnh đã chỉ ra sự khác nhau giữa tín ngưỡng và tôn giáo: “Tôn giáo có hệ thống giáo lý và kinh điển... được truyền thụ qua giảng dạy và học tập ở các tu viện, thánh đường, học viện... có hệ thống thần điện, có tổ chức giáo hội, hội đoàn chặt chẽ, có nơi thờ cúng riêng như nhà thờ, chùa, thánh đường... nghi lễ thờ cúng chặt chẽ, có sự tách biệt giữa thế giới thần linh và con người. Còn tín ngưỡng thì chưa có hệ thống giáo lý mà chỉ có huyền thoại, thần tích, truyền thuyết. Tín ngưỡng mang tính chất dân gian, gắn với sinh hoạt văn hóa dân gian. Trong tín ngưỡng có sự hòa nhập giữa thế giới thần linh và con người, nơi thờ cúng nghi lễ còn phân tán, chưa hình thành quy ước chặt chẽ” [54, tr 50].

Tuy nhiên, tín ngưỡng và tôn giáo cũng có sự tương đồng đó là: Tín ngưỡng và tôn giáo đều là hình thái ý thức xã hội, đều là sự phản ánh hư ảo tồn tại xã hội, thể hiện sự bất lực của con người trước tự nhiên và xã hội. Tín ngưỡng và tôn giáo đều có nguồn gốc xã hội, nguồn gốc nhận thức và nguồn gốc tâm lý tương đương trong quá trình hình thành và tồn tại; đều có chức năng đền bù hư ảo, xoa dịu nỗi đau hiện thực và hướng con người tới sự giải thoát về tinh thần. Tín ngưỡng và tôn giáo đều là sự thể hiện niềm tin, sự ngưỡng mộ của con người vào các thế lực siêu nhiên...

Trong công trình này, tác giả sử dụng khái niệm tín ngưỡng được hiểu *là một bộ phận, một hình thái của ý thức xã hội, là sản phẩm của các quan hệ xã hội được hình thành trong quá trình lịch sử gắn liền với niềm tin, sự ngưỡng mộ, sùng bái những sự vật, hiện tượng thiêng, những thần thánh, sùng bái, thờ phụng linh hồn người chết nhằm cầu mong sự phù hộ độ trì, đem lại hạnh phúc cho cuộc sống của con người, phản ánh rõ nét nhất đặc trưng văn hóa dân tộc.*

** Khái niệm tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên.*

Thờ cúng tổ tiên là một hiện tượng mang tính lịch sử - xã hội, tồn tại phổ biến ở nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Cho đến nay, thờ cúng tổ tiên vẫn có vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của nhiều dân tộc.

Tuy nhiên, đánh giá vai trò và ý nghĩa của loại hình thờ cúng tổ tiên trong từng giai đoạn lịch sử và ở mỗi quốc gia lại không giống nhau. Ngay cả khái niệm về thờ cúng tổ tiên cũng đang còn nhiều ý kiến khác nhau: Có người cho rằng đó là một tập tục, có người lại cho đó là một tín ngưỡng, tôn giáo bản địa... Theo Trần Đăng Sinh “Tổ tiên là khái niệm để chỉ những người có cùng huyết thống, đã mất như kỵ, cụ, ông, bà, cha, mẹ... là những người có công sinh thành, nuôi dưỡng, có ảnh hưởng lớn đến đời sống vật chất và tinh thần của các thế hệ những người đang sống” [49, tr 109].

Trong quá trình phát triển của lịch sử, khái niệm tổ tiên cũng có sự biến đổi, phát triển. Tổ tiên không còn bó hẹp trong phạm vi huyết thống, gia đình, họ tộc mà đã mở rộng ra trong phạm vi cộng đồng, xã hội, bao gồm từ tổ nhà, tổ họ cho đến tổ làng, tổ nghề, tổ nước – tức là những người có công đầu tiên hoặc trực tiếp tới việc sinh thành, mở làng, mở nghề, dựng nước. GS Đặng Nghiêm Vạn cho rằng: “Đạo thờ cúng tổ tiên được hiểu theo nghĩa rộng, không chỉ là những người có công sinh dưỡng đã khuất, nghĩa là những người có cùng huyết thống, mà thờ cả những người có công với cộng đồng, làng xã, đất nước” [60, tr 315].

Theo Phan Kế Bính “Xét cái tục phụng sự tổ tiên của ta rất là thành kính, ấy cũng là một lòng bất vong bản, cũng là một việc nghĩa vụ của con người” [8, tr 20-21]. Điều này có nghĩa là thờ cúng tổ tiên được xem như một tập tục truyền thống mang giá trị đạo đức, thể hiện lòng thành kính nghĩa cử con cháu

Thờ cúng tổ tiên được nhân dân ở miền Nam nước ta gọi là đạo ông bà. Hay một số nhà nghiên cứu như Đặng Nghiêm Vạn cho rằng, có thể gọi là đạo thờ cúng tổ tiên cũng được, nhưng đạo ở đây không có nghĩa như đạo Kitô, đạo Phật, đạo Hồi... mà phải hiểu như đạo lý làm người, đạo làm con, đạo hiếu nghĩa... và những đạo ấy không thể là một tôn giáo vì đã là một tôn giáo thì phải có giáo lý, có hàng ngũ giáo sỹ và giáo hội....

Trong Từ điển Tiếng Việt “Thờ được hiểu theo hai nghĩa: 1- Tỏ lòng tôn kính thần thánh, vật thiêng hay linh hồn người chết bằng hình thức lễ nghi, cúng bái theo phong tục hay theo tín ngưỡng; 2- Tôn kính và coi là thiêng liêng. Còn cúng thì được hiểu: Dâng lễ vật lên thần thánh hay linh hồn người chết theo tín ngưỡng” [58, tr 921].

Do đó, thờ cúng tổ tiên là thể thống nhất của các yếu tố: Ý thức về tổ tiên, biểu tượng về tổ tiên và lễ nghi thờ cúng. Yếu tố ý thức về tổ tiên chính là sự “thờ” của con cháu đối với tổ tiên. Thờ tổ tiên là tâm linh, là tình cảm tri ân của con cháu hướng về cội nguồn. Con cháu thể hiện sự thành kính, lòng biết ơn tổ tông, ông bà, cha mẹ đã sinh thành, gây dựng cuộc sống cho mình. Đồng thời đó cũng là mong mỏi, niềm tin thiêng liêng vào sự che chở, giúp đỡ của tổ tiên. Cơ sở của sự hình thành ý thức tổ tiên là niềm tin về linh hồn bất tử, tổ tiên tuy đã chết, song linh hồn vẫn sống thường lui tới trong gia đình, ngự trị trên bàn thờ.

Ý thức về tổ tiên được hình thành và củng cố qua nghi lễ thờ cúng tổ tiên và biểu tượng về tổ tiên. Biểu tượng về tổ tiên là những hình ảnh đẹp, là những người tài giỏi, có công có đức được con cháu gán cho tổ tiên và luôn tôn vinh, khắc họa trong tâm tưởng. Biểu tượng về tổ tiên có thể được thể hiện bằng bài vị, tượng, ảnh và được trang trí, bày đặt một cách tôn kính, trang trọng tại nơi thờ cúng.

Nghi lễ thờ cúng là hành động dưới hình thức hành lễ, được quy định do quan niệm, phong tục tập quán của mỗi gia đình, dòng họ, mỗi cộng đồng, dân tộc. Nghi lễ cúng là phương tiện để con người có thể giao tiếp với tổ tiên, nó được thể hiện bởi người trưởng gia đình, dòng họ với các động tác như dâng lễ vật, khấn, lễ..

Như vậy, thờ và cúng là hai yếu tố có mối quan hệ mật thiết với nhau. Trong đó, yếu tố ý thức, tư tưởng, tình cảm tôn thờ tổ tiên là nội dung cốt lõi, còn cúng là hình thức biểu đạt của nội dung, là phương tiện chuyển tải ý thức, tình cảm của con cháu đối với tổ tiên.

Thờ cúng tổ tiên là một tục lệ, tín ngưỡng, tôn giáo hay truyền thống đang còn nhiều ý kiến khác nhau. Song, theo tác giả “thờ cúng tổ tiên” là một loại hình tín ngưỡng dân gian. Từ đó, có thể khẳng định rằng, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên ở

Việt Nam là khái niệm được dùng để chỉ hoạt động tôn thờ, cúng tế của những người đang sống với những người đã khuất theo những nghi lễ cụ thể tùy thuộc vào quy định của từng cộng đồng thực hiện thờ cúng (gia đình, dòng họ, làng xóm, vùng miền, ngành nghề, đất nước) nhằm thực hiện có hiệu quả mối quan hệ giữa người sống với những người đã khuất.

Qua ý kiến của các nhà khoa học, chúng ta có thể thấy rằng: tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên ở Việt Nam được thể hiện ở 3 cấp độ chủ yếu: một là thờ cúng tổ tiên trong gia đình, dòng tộc; hai là thờ những ông tổ nghề, tổ sư, người có công khai phá vùng đất mới, dựng làng, lập ấp, đánh giặc cứu dân... đã được nhân dân tôn vinh, thờ phụng là thành hoàng làng; ba là thờ vua như là vị thần của quốc gia dân tộc mà điển hình là thờ vua Hùng.

1.2.2. Đặc điểm tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang

Từ khi Đảng, nhà nước ta thực hiện sự nghiệp đổi mới đất nước (năm 1986), đặc biệt từ khi có Nghị quyết số 24/NQ-TƯ ngày 16 tháng 10 năm 1990 về Công tác tôn giáo trong tình hình mới, sự cởi mở trong chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đã tạo điều kiện thuận lợi cho các loại hình tôn giáo, tín ngưỡng. Trong xu thế chung của các loại hình tín ngưỡng dân gian trên cả nước, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày cũng được phục hồi và có chiều hướng phát triển ngày càng đa dạng.

Hiện nay, thờ cúng tổ tiên là hoạt động tín ngưỡng phổ biến trong các gia đình, dòng họ của người Tày. Mừng một, hôm rằm hàng tháng, vào các dịp lễ tết hay mỗi khi gia đình tổ chức các công việc lớn thì các gia đình đều làm lễ vật để thờ cúng tổ tiên. Lễ vật thờ cúng cũng rất đơn giản, nếu là ngày rằm, mừng một thì con cháu chỉ cần pha một ấm chè ngon, đặt chén nước, chén rượu lên bàn thờ tổ tiên rồi châm mấy nén hương thắp khấn các cụ về hưởng lễ. Ở người Tày lễ thờ cúng tổ tiên cũng tùy thuộc vào các ngày lễ tết, phụ thuộc vào mùa trong năm, mỗi ngày tết lại có những sản phẩm thờ cúng đặc trưng như rằm tháng giêng có bánh chưng, bánh khảo, bánh gai; đến tết tháng ba, tết tháng năm, tết tháng bảy có bánh trôi, bánh chay, bánh mật và một số loại hoa quả để thờ cúng tổ tiên. Nhìn chung các lễ vật

thờ cúng của người Tày rất phong phú, có hương, hoa, quả, rượu, thịt. Đặc biệt cứ mỗi khi năm hết tết đến, mọi gia đình đều làm lễ mời tổ tiên về ăn tết cùng con cháu; chân hương được thay mới, đồ thờ được lau chùi sạch sẽ. Đêm giao thừa mọi gia đình người Tày đều làm mâm lễ cúng gia tiên để tỏ lòng thành kính, biết ơn đối với tổ tiên. Nhiều gia đình, họ tộc có điều kiện kinh tế đã sắm sửa những bộ đồ thờ mới, cầu kì... đắt tiền hơn.

Các gia đình người Tày không chỉ chú trọng tới bàn thờ gia tiên mà còn chú trọng chăm nom phần mộ của tổ tiên. Trước tết Nguyên Đán thì dòng họ người Tày thường tổ chức đi dọn dẹp mồ mả và thắp hương tại mộ. Tết thành minh mọi gia đình, họ tộc của người Tày đi tảo mộ theo tục xưa. Mộ phần được rẫy cỏ, vun đắp, sửa sang. Nhiều gia đình bỏ nhiều tiền của, thời gian, công sức tìm lại những ngôi mộ bị thất lạc trước đây, trong đó có cả hài cốt các liệt sĩ đã hy sinh trong chiến tranh. Điều đó phản ánh việc tìm hài cốt thân nhân, đặc biệt là hài cốt các liệt sĩ là nhu cầu của một bộ phận không nhỏ đồng bào người Tày. Nhiều gia đình, dòng họ lớn có điều kiện kinh tế đã xây lại mộ phần của tổ tiên khá cầu kì. Nhiều dòng họ cũng đã khôi phục lại việc họ, thành lập ban liên lạc, viết và tìm lại gia phả, tổ chức lại việc giỗ họ. Việc giỗ họ của người Tày thường được tổ chức ở nhà con trai trưởng họ. Trong thời gian gần đây, việc giỗ họ của người Tày thường có sự tham gia của thầy cúng. Chính vì vậy, việc giỗ họ trở thành nề nếp và quy củ trật tự hơn (chủ yếu ở những dòng họ lớn và có điều kiện kinh tế khá).

Từ việc nghiên cứu, tìm hiểu tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang hiện nay ta có thể thấy được những đặc điểm sau:

Thứ nhất, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang gắn liền với truyền thống thờ cúng tổ tiên của dân tộc Việt Nam, chủ yếu thờ cúng tổ tiên ở gia đình.

Thờ cúng tổ tiên là hình thức tín ngưỡng rất quan trọng trong đời sống của người Tày nói riêng và các dân tộc trong nhóm ngôn ngữ Tày – Thái nói chung. Việc thờ cúng tổ tiên trước hết xuất phát từ sự ghi nhớ công ơn nguồn cội có gắn với quan niệm về sự bất diệt của linh hồn con người sau khi chết. Người Tày quan

niệm về sự tồn tại của linh hồn bên trong thể xác con người mà họ gọi là khoãn, tạm hiểu là vía. Khi con người ta chết đi thì không còn thể xác cho vía trú ngụ nữa nên vía sẽ chuyển hóa từ khoãn sang phi, tức là chuyển từ vía sang ma và được phân thành ba nơi.

Ma người chết ở trên trời: Sau khi người ta chết đi, con cháu nhờ thầy cúng làm lễ thu gọi hồn vía đưa lên trời sống với ma gia đình và tổ tiên ở trên trời.

Ma người chết ở trên bàn thờ tổ tiên: Người Tày quan niệm rằng con người ta chết đi nhưng hồn vía vẫn còn luân quản ở trong nhà theo dõi, giúp đỡ con cháu, các tổ tiên đời xa thì ít tác động trực tiếp đến con cháu hơn nên mới có sự chuyển hóa thành các thần trông cửa và thần coi gia súc cho gia đình.

Ma người chết ở mồ mả: Con người chết đi, tuy thể xác thối rữa nhưng vẫn còn một bộ phận hồn vía quyến luyến thể xác mà luân quản ở quanh khu vực mồ mả nơi chôn cất thể xác.

Trong bộ ba linh hồn của người chết (ma nhà, ma mồ mả, ma mừng trời) thì ma nhà là tổ tiên trực tiếp của gia đình, do đó, con cháu phải lập bàn thờ để thờ cúng trong nhà vào những dịp lễ tết và những ngày quy định.

Nơi thờ cúng tổ tiên ở trong nhà của người Tày là nơi trang nghiêm nhất. Bàn thờ tổ tiên của người Tày thường được lập cố định, ở chỗ trang trọng nhất hoặc gian giữa chính của ngôi nhà, đó là nơi linh thiêng, chỉ bày đặt đồ thờ cúng, không được để lẫn các thứ đồ vật khác. Chính giữa bàn thờ người ta đặt bát hương thờ tổ tiên, ngoài ra còn có thờ Phật Bà Quan Âm và thờ Bà Mụ. Trong cách trang trí bàn thờ có gia đình trang trí cầu kỳ, cẩn thận, bàn thờ làm bằng gỗ tốt và có những trạm khắc rất công phu trông uy nghi nhưng cũng có gia đình trang trí đơn giản, sơ sài (chỉ là một bàn thờ đóng bằng gỗ đơn sơ).

Thờ cúng tổ tiên giữ vị trí quan trọng nhất trong đời sống tâm linh của người Tày. Cũng như nhiều dân tộc khác, người Tày thờ tổ tiên ba đời trên mình: bố mẹ, ông bà và các cụ. Ba đời này đều được thờ chung trong một bàn thờ, tuy nhiên từ đời thứ tư là kỵ thì theo quan niệm của người Tày, biến thành vị thần coi giữ gia súc, có bàn thờ đặt ở ngoài trời, cúng vào dịp tết Nguyên Đán.

Ở người Tày Tuyên Quang, khi thân nhân mới chết (cha, mẹ, ông, bà...) thì không được cúng lễ ngay ở bàn thờ tổ tiên, mà phải thờ riêng ở góc hay ở dưới thấp nơi thờ tổ tiên. Hàng ngày, thân chủ phải thắp hương, bày cơm cúng lễ hai bữa. Phải sau khi mãn tang (có nơi là 3 năm, có nơi chỉ một năm) mới nhập bát hương vào thờ cúng với tổ tiên.

Nghi lễ thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang gồm có hai loại là nghi lễ thường kỳ và nghi lễ bất thường.

Nghi lễ thường kỳ là các nghi lễ mang tính chất truyền thống theo lịch tiết quy định hàng năm. Trong các ngày lễ tết, thắp hương bàn thờ mời tổ tiên hưởng lễ là việc làm không thể thiếu của mỗi gia đình. Tính theo âm lịch, người Tày cúng tổ tiên ở ba tết lớn, đó là: Tết Nguyên Đán, tết Tảo mộ 3/3 và tết 14/7. Vào những ngày này, các gia đình thường mổ lợn, gà, vịt, làm các món ăn ngon để cúng tổ tiên.

Nghi lễ bất thường có nhiều loại. Trong đó, đặc biệt có nghi lễ tạ tổ. Khi gia đình gặp hoạn nạn hoặc có người ốm đau, hoặc có gia súc chết... gia chủ xem bói, nếu thầy phán rằng tổ tiên quả trách, họ phải sắm lễ vật nhờ thầy làm lễ cúng tạ tổ tiên tại nhà hoặc tại mộ. Ngoài ra, vì tổ tiên được coi là vị thần bản mệnh, có vai trò quan trọng đối với sự hưng thịnh của gia đình nên mỗi khi các gia đình có việc lớn như cưới xin, ma chay, làm nhà, thậm chí có con cháu đi làm ăn hoặc học tập ở xa... họ đều phải sắm lễ vật hoặc thắp hương trình báo, xin phép tổ tiên, cầu xin tổ tiên phù hộ.

Ngoài thờ cúng tổ tiên trong gia đình ra, ở một số dòng họ Tày còn có tục thờ dòng họ, nơi thờ dòng họ của các gia đình Tày được chọn tương đối đa dạng, có thể là một gốc cây, một góc rừng, hay một nhà thờ họ. Nhìn chung, so với việc thờ cúng tổ tiên gia tộc, việc thờ cúng dòng họ của người Tày ở Tuyên Quang không phổ biến. Bởi không phải bất cứ dòng họ nào, bất cứ địa phương người Tày nào trong tỉnh Tuyên Quang cũng có tục thờ cúng dòng họ.

Đối với những người làm nghề thầy cúng Tày, ngoài thờ cúng tổ tiên gia tộc như các gia đình khác ra, họ còn thờ tổ sư là những người truyền nghề thầy cúng cho tổ tiên gia đình. Những gia đình làm nghề cúng bái (Tào, Then, Pụt), hái thuốc,

chữa bệnh, săn bắn... cũng có riêng một bát hương (thờ tổ sư) được đặt cùng với gian thờ tổ tiên nhưng ở vị trí cao hơn và đặt chính giữa để phù hộ cho các công việc hành nghề. Vào các dịp lễ tết có mâm cúng đồ chay, đối với các thầy Tào, Then, Pụt sau mỗi lần đi làm lễ cho gia đình nào đó, thì thường lấy về con gà, gạo, tiền đã cúng, lễ này khi mang về đến nhà để làm lễ cúng thắp hương, niệm vài câu thần chú và trình trọng đặt lên bàn thờ tổ sư nghề với hàm ý tạ ơn thần thánh đã giúp thầy hoàn thành công việc, nếu các thầy không có gà mang về, thì phải tự bắt gà nhà làm thịt để cúng và tạ ơn các thánh thần.

Người Tày ở Tuyên Quang còn có tục thờ thần Thổ công. Nhìn chung, việc thờ thổ công ở mỗi làng bản của người Tày đều có ý nghĩa là thờ người có công khai làng, lập bản hoặc thờ người có công với dân bản được dân bản coi là tổ tiên của bản. Ngoài ra, ở nhiều địa phương Tày còn có quan niệm tổ tiên gia đình sau ba đời trở lên có thể hóa thành thần Thổ công trông coi làng bản. Vì vậy, có thể nói Thổ công cũng chính là thần tổ tiên xa của các gia đình và cũng có nghĩa là những người đã từng có thời gian ở lâu trong bản. Trong quan niệm của người Tày, Thổ công được hình dung như một vị trưởng lão đáng kính của bản, các công việc lớn bé trong nhà, ngoài bản đều phải hỏi ý kiến của ông. Vì vậy, ở nhiều khu vực của Tuyên Quang người Tày có tục ngày 30 tết các gia đình làm cỗ mang ra cúng mời Thổ công ăn tết trước với ý nghĩa tôn kính. Chỉ sau khi mời Thổ công ăn tết rồi cả bản mới chính thức được ăn tết. Chẳng hạn ở làng Khuân Nhựt, xã Kim Bình, huyện Chiêm Hoá có thờ ông Đán Khao và Phù Mi

Người Tày ở Tuyên Quang cũng luôn tham gia nhiệt tình vào lễ hội Đền Hùng 10/3 âm lịch.

Như vậy, cũng như người Việt, thờ cúng tổ tiên là hình thức tín ngưỡng rất quan trọng trong đời sống người Tày nói chung và người Tày ở Tuyên Quang nói riêng. Đối tượng thờ cúng ở đây không chỉ là tổ tiên trong gia đình, tổ tiên dòng họ mà còn cả người có công với dân tộc, tổ ngành nghề, người khai làng lập bản... Tuy nhiên, thờ cúng tổ tiên trong gia đình vẫn là cơ bản và chủ yếu nhất, vì nó nói lên được ý nghĩa sinh thành của các bậc tiền bối đối với hậu sinh. Vì vậy, từng gia đình người Tày ở Tuyên Quang đều rất coi trọng các nghi lễ đó.

Thứ hai, thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang gắn liền với phong tục tập quán bản địa, mang nội dung bình dị, giàu tính thực tiễn.

Trong tâm thức người Tày luôn tin rằng tổ tiên của mình vẫn tồn tại không chỉ trong thế giới siêu nhiên mà còn hiện hữu trong thế giới đời thường. Chính vì thế khi tiến hành nghi lễ thờ cúng tổ tiên, người Tày không chỉ thực hiện một động thái tưởng nhớ mà còn thực hiện một động thái như hình thức phục dưỡng tổ tiên hoặc báo cáo tổ tiên như trong đời thường. Họ tin tưởng một cách thành kính rằng tổ tiên của họ vẫn chứng kiến tất cả mọi nỗi vui buồn, mọi hành vi của họ cũng như hưởng tất cả những lễ vật họ dâng cúng, vẫn thương yêu họ, giúp đỡ họ như khi tổ tiên còn sống.

Tính chất đời thường trong tục thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang gắn liền với một số phong tục tập quán của cư dân bản địa, trong đó rõ nét nhất là phong tục tập quán liên quan đến chu kỳ đời người và tục mừng cơm mới, nhà mới.

Phong tục tập quán liên quan đến chu kỳ đời người của người Tày khá đa dạng và phong phú. Nhưng đặc trưng nhất là hôn nhân, sinh đẻ và đặc biệt là ma chay. Sở dĩ nói như vậy bởi đám tang của người Tày không chỉ mang tính chất tôn giáo tín ngưỡng mà điều nổi bật vẫn là quan niệm về đạo hiếu, việc đền đáp công đức là điểm chủ yếu xuyên suốt từ đầu đến cuối một đám ma. Trong hôn nhân cũng như trong sinh đẻ, gia chủ đều phải làm lễ thông báo với tổ tiên về đại sự trong gia đình và việc thêm con, thêm cháu, cầu mong tổ tiên che chở, phù hộ độ trì cho mọi việc tốt đẹp.

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên không chỉ gắn liền với phong tục tập quán liên quan đến chu kỳ đời người mà nó còn gắn liền với các nghi lễ liên quan đến nông nghiệp, trong đó có tục mừng cơm mới.

Lễ cơm mới (khẩu mẩu) là lễ đón mừng thu hoạch, được tổ chức ở trong nhà với hàm ý là trả lễ cho tổ tiên đã phù hộ cho mùa màng trong năm tươi tốt, nay đã được thu hoạch. Nghi lễ này làm vào dịp mở đầu vụ thu hoạch lúa sớm khoảng rằm tháng tám âm lịch, lúc lúa sớm đã chín, sắp bước vào mùa gặt hái. Trước hết người

ta lấy lúa mới mang về phơi khô, xay giã thành gạo trắng, rồi nấu cơm vừa dẻo vừa thơm ngon. Nơi nào chưa kịp thu hoạch lúa mới thì ra ruộng chọn bông lúa đã chín về hấp rồi rang khô giã lấy một ít gạo mới trộn với gạo cũ để nấu cơm, có nơi để mười bông lúa mới hấp trên nồi cơm mang tính tượng trưng. Sau đó, mang cơm mới cùng mâm thức ăn gồm thịt, cá, rau, củ, rượu..., các món xôi, nhất là xôi trám đen, xôi vừng... bày lên bàn thờ gia tiên cúng. Chủ gia đình khẩn lạy trước bàn thờ, kể về công lao của tổ tiên và các gia thần đã phù hộ, công thành đã tới và mong các linh thần tiếp tục theo dõi, phù giúp cho công việc gia đình về sau.

Như vậy, xuất phát từ những mong muốn thật bình thường, giản dị nhưng rất giàu tính nhân văn và thực tiễn, mà cư dân Tày ở Tuyên Quang đã tiến hành những nghi lễ, động thái vừa mang tính tưởng nhớ; vừa mang hình thức phụng dưỡng tổ tiên hoặc báo cáo tổ tiên như trong đời thường. Điều đó đã được gắn liền với các phong tục tập quán bản địa nhằm nâng lên giá trị nhân sinh trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang.

Thứ ba, ngoài các yếu tố bản địa, thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang còn chịu ảnh hưởng của Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo.

Những ảnh hưởng của Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo với dân tộc Tày ở Tuyên Quang không chỉ đơn thuần qua các dân tộc ở nam Trung Quốc, nhất là qua người Hán, mà không ít các ảnh hưởng lại từ người Việt ở Đồng bằng bắc bộ. Do vậy, các ảnh hưởng này không thuần nhất mà mang tính pha tạp từ nhiều nguồn, qua nhiều tầng bậc khác nhau.

Trong những ảnh hưởng của Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo thì có lẽ ảnh hưởng của Đạo giáo là rõ rệt hơn cả. Đạo giáo còn gọi là Lão giáo, do Lão Tử sáng lập từ các thế kỷ trước công nguyên. Trong quá trình phát triển sau này, hình thành hai khuynh hướng Lão học nặng về các triết lý về vũ trụ âm dương và Đạo giáo của Trường Đạo Lãng được phổ biến trong dân gian với các hình thức ma thuật, tu tiên, luyện đan. Chính dòng Đạo giáo này đã ảnh hưởng nhiều tới tín ngưỡng dân gian của dân tộc Tày.

Người Tày ở Tuyên Quang tuy không lấy Đạo giáo làm tôn giáo riêng, nhưng họ luôn đề cao vai trò của thầy Tào. Bởi trong quan niệm của người Tày, sự báo hiếu của con cái đối với tổ tiên được thể hiện rõ nhất thông qua các nghi lễ trong tang ma. Lễ tang của người Tày do thầy Tào chủ trì, để đưa linh hồn từ địa ngục về với tổ tiên theo triết lý của Đạo giáo. Vì vậy, thông qua tang ma, thầy Tào phần nào đã đưa Đạo giáo thấm sâu dần vào văn hóa Tày. Cũng dễ hiểu khi trong mọi công việc hiếu, hỷ, cộng thêm ảnh hưởng của nghìn năm Bắc thuộc, tư tưởng vũ trụ quan, cõi sống, cõi chết theo quan niệm của Đạo giáo, đã chi phối rất mạnh mẽ đời sống tinh thần của người Tày. Đây là nét đặc biệt trong tín ngưỡng của họ.

Đạo giáo chia vũ trụ làm ba tầng: Thượng nguyên, Trung nguyên, Hạ nguyên. Người Tày cũng tiếp nhận ba cõi tương ứng: Trời, trần gian, địa phủ. Thầy cúng ở giữa thay mặt cho nhân gian – con người để giao tiếp và dâng lễ lên các vị thần linh trên cả ba cõi.

Trong nghi lễ cúng của thầy Tào, ngoài sự chi phối của nghi thức và triết lý Đạo giáo, ta vẫn thấy đọng lại yếu tố phép thuật và bùa chú. Chẳng hạn, trong nhà có người mất thầy Tào khi đi làm lễ ở bên ngoài ngôi nhà, phải khóa hồn trong dải vải trắng để tà ma và phép thuật của thầy Tào cao hơn không làm hại thầy và tang chủ. Trong hệ thống các nghi lễ tang ma của người Tày hầu như đều mang âm hưởng của Đạo giáo và Phật giáo.

Phật giáo ra đời ở Ấn Độ vào thế kỷ VI.TCN, vào Việt Nam bằng nhiều con đường khác nhau từ những năm đầu công nguyên và phát triển cực thịnh từ thế kỷ X đến thế kỷ XIV, đã ảnh hưởng rất lớn đến đời sống Việt Nam. Người Tày tuy không lấy Phật giáo làm tôn giáo riêng của mình, nhưng quan niệm triết lý nhân sinh Phật giáo lại ảnh hưởng và chi phối rất lớn trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của đồng bào.

Trong xã hội Tày ở Tuyên Quang không tồn tại thứ Đạo Phật với hệ thống chùa và sư sãi, Phật Tử. Nơi đây những người làm nghề cúng bái: “Tào”, “Mo”, “Then”, “Pụt” họ vốn là những tín đồ Đạo giáo, nhưng khi cúng lại sử dụng sách cúng, kinh kệ, tụng kinh Phật, cầu khẩn Phật tổ Thích ca Mâu Ni và Thái thượng

Lão quân. Họ là những thầy pháp Sharman đã được thụ phong, cấp bằng, cấp sắc, ấn tín của Đạo giáo, nhưng lại sử dụng các yếu tố ngũ giới của Phật Giáo để làm tăng thêm sức mạnh cho mình. Vì vậy, khi ngồi thụ phong cấp sắc, họ đã phải làm lễ tuyên thệ: “Không đánh cha (mẹ), không hiếp dâm, không ăn trộm, ăn cắp, không loạn ngôn, không sát sinh hại mệnh”. Những tuyên thệ đó chính là một phần trong giới luật của Phật Giáo. Như vậy, cái vỏ bên ngoài là tín đồ Đạo giáo, các thầy “Tào”, “Mo”, “Then”, “Pụt” đã được trang bị thêm cái lõi Phật giáo.

Phật giáo ảnh hưởng tới quan niệm của người Tày trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên ở chỗ: Đồng bào Tày cũng coi cái chết là kết thúc một chu kỳ đời người trên cõi trần gian, để bước vào thế giới vĩnh hằng. Chết chỉ là bắt đầu của sự sinh mới, đưa con người tới kiếp sống tốt hơn, đó là vòng luân hồi của sự sống. Tuy nhiên, muốn tổ tiên của mình có được sự sống tốt hơn sau khi chết thì con cháu phải làm lễ cầu cúng, rửa sạch tội lỗi nơi trần gian, đưa hồn tổ tiên vượt qua các cửa ngục siêu thoát, đầu thai kiếp khác như quan niệm vòng luân hồi trong tư tưởng Phật giáo.

Trên bàn thờ của người Tày ngoài thờ tổ tiên, đồng bào còn thờ Phật Bà Quan Âm. Vị thần này gốc là từ Phật giáo, nhưng đã được dân gian hoá, hoà nhập với cả Đạo giáo, biểu tượng cho quyền năng cứu vớt, che chở cho con người khỏi tai hoạ, rủi ro. Phật Bà Quan Âm không chỉ được thờ ở vị trí cao nhất trên bàn thờ của gia đình mà còn được thờ ở một số ngôi đình, đền của người Tày.

Các quan niệm của đạo Phật về từ bi, bác ái, nhân quả, luân hồi, tu nhân tích đức cũng ít nhiều ảnh hưởng tới quan niệm đạo đức và cách ứng xử của người Tày trước tổ tiên. Thực ra, đây cũng là các quan niệm nếu không phải có gốc gác từ dân gian thì cũng phù hợp với quan niệm dân gian, do vậy nó rất dễ hòa nhập và đón nhận vào tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày.

Về phương diện tín ngưỡng, Nho giáo cũng có ảnh hưởng tới tín ngưỡng Tày qua việc thờ cúng tổ tiên và tục thờ Thành Hoàng. Nho giáo là học thuyết trị quốc do Khổng Tử (551 – 479 TCN) sáng lập. Mặc dù, Khổng Tử tỏ thái độ hoài nghi đối với quỷ thần: Chưa biết được việc thờ người, làm sao biết được việc thờ quỷ thần, hoặc chưa biết được việc sống làm sao biết được việc chết, nhưng Khổng Tử lại rất coi

trọng việc cúng tế, thờ cúng. Quan điểm đạo đức Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín, Dũng và quan điểm trọng nam, tôn ti trật tự thứ bậc trong gia đình, xã hội của Khổng Tử đã đi vào đời sống của người Tày, trở thành chuẩn mực xã hội. Thờ cúng tổ tiên vốn là tín ngưỡng bản địa của người Tày, tuy nhiên chúng ta không thể phủ nhận những ảnh hưởng Nho giáo về các quan niệm và nghi thức thờ cúng, cách ứng xử thân tộc theo dòng cha, quyền trưởng nam, nghi lễ cúng giỗ, cố kết và quan hệ dòng họ...

Bên cạnh đó, văn tế, văn sớ, sách cúng của thầy Tào đều bằng chữ Hán. Các bước trong tang lễ đều cho thấy sự ảnh hưởng của Nho giáo rõ nét. Hình ảnh người trưởng nam tế lễ, đốt tiền vàng, trái vôi tro, cống nước, cống bài vị tiễn đưa người quá cố.... đều mang đậm ảnh hưởng tư tưởng Nho gia. Trong các nghi lễ tang ma, người Tày luôn quan tâm đến vai trò của tổ tiên trong việc, đón, chăm sóc, che chở cho linh hồn và con cháu. Đó cũng là tâm nguyện của cư dân để hành động thờ cúng tổ tiên luôn chu toàn và kính trọng.

Nhìn chung, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang đã chịu ảnh hưởng của các yếu tố trong Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo. Sự giao lưu, ảnh hưởng, pha trộn này rất sâu sắc, một mặt làm biến dạng và nâng cao tín ngưỡng bản địa, mặt khác cũng làm thay đổi bản thân loại hình tôn giáo dung thông đó, đã làm cho không còn sự tồn tại nguyên si của Phật giáo, Đạo giáo, Nho giáo từ Trung Quốc xuống hay từ người Việt lên.

Thứ tư, thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang có sự giao lưu, ảnh hưởng, tiếp biến tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của các tộc người khác.

Tuyên Quang là một tỉnh miền núi, có nhiều dân tộc thiểu số sống xen kẽ trong từng bản, thôn, xóm ở các xã miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa thuộc các huyện vùng cao, miền núi phía bắc của tỉnh (như: Na Hang, Lâm Bình, Chiêm Hoá, Hàm Yên...). Đồng bào dân tộc thiểu số ở Tuyên Quang (Tày, Dao, Sán Chay, Sán Dìu, Mông, Nùng, Hoa) do phân bố ở những nơi địa hình hiểm trở, khó khăn nên chất lượng cuộc sống (vật chất, tinh thần) còn thấp so với đồng bào Kinh. Đồng bào dân tộc thiểu số sống trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đều theo tín ngưỡng truyền thống là thờ tổ tiên. Tuy nhiên, mỗi dân tộc có quan niệm, mức độ tín ngưỡng và

hình thức thể hiện tín ngưỡng khác nhau điều đó đã tạo nên bản sắc văn hóa đa tộc người ở Tuyên Quang rất đa dạng. Ngoài ra, do chung sống xen kẽ giữa đồng bào dân tộc Kinh và đồng bào dân tộc thiểu số nên có sự giao thoa, dung hợp lẫn nhau về văn hóa giữa các dân tộc, đặc biệt là sự giao thoa giữa người Tày với người Kinh, người Tày với người Nùng, người Hoa trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên được thể hiện rõ nét nhất.

Giao lưu kinh tế, văn hóa là một quy luật khách quan của lịch sử, phát triển do yêu cầu nội tại của từng dân tộc. Về mặt văn hóa, quan hệ giữa người Tày với người Kinh diễn ra sớm với tốc độ khá nhanh. Người Kinh tiếp thu văn hóa của người Tày và ngược lại người Tày cũng không ngừng tiếp thu những truyền thống văn hóa tốt đẹp của người Kinh, làm cho văn hóa của mình thêm phong phú. Quá trình giao lưu diễn ra không chỉ trong hoạt động sản xuất vật chất, trong văn học dân gian, giao lưu về ngôn ngữ mà còn diễn ra ngay cả về mặt tín ngưỡng. Bên cạnh miếu thờ Thổ công, người Tày còn có miếu thờ Thành hoàng làng, chùa thờ Phật và hệ thống đền, miếu – là kết quả của quá trình giao lưu văn hóa Tày – Kinh. Bên cạnh các tuần lễ, bài sớ, văn xướng tế, hát cửa đình của văn hóa dân tộc Kinh thì một trong những lễ vật thờ cúng tổ tiên là Bánh chưng trong những ngày tết thì không gia đình Tày nào không gói.

Trong quá trình giao lưu văn hóa giữa dân tộc Kinh với dân tộc Tày không chỉ là tiếp nhận mà còn ảnh hưởng trở lại đối với đời sống văn hóa của nhau. Ví như một số gia đình người Kinh thường mời các thầy Tào người Tày về làm lễ cầu an, giải hạn. Ngược lại, một số gia đình người Tày ở huyện Lâm Bình cũng đón thầy cúng người Kinh lên làm lễ giải hạn, tìm mộ phần thất lạc.

Như vậy, trong quá trình cộng cư lâu đời giữa người Tày và người Kinh đã hình thành một mối quan hệ giao lưu một cách tự nhiên diễn ra trên nhiều mặt. Ngày nay, trong điều kiện xã hội đã có nhiều thay đổi, mối quan hệ giao lưu văn hóa giữa người Tày với người Kinh càng diễn ra mạnh mẽ hơn, xu hướng hòa hợp thống nhất về văn hóa giữa người Tày với người Kinh và với một số dân tộc anh em đang diễn ra mạnh mẽ là một tất yếu lịch sử.

Tày và Nùng là hai dân tộc có chung nguồn gốc lịch sử trong các nhóm dân tộc nói ngôn ngữ Tày – Thái, lại cùng cư trú trong điều kiện tự nhiên và xã hội gần giống nhau nên từ rất sớm có mối quan hệ khăng khít. Mối quan hệ đó không chỉ diễn ra trong đời sống vật chất mà còn diễn ra ngay cả trong đời sống tinh thần. Trên nhiều lĩnh vực văn hóa tinh thần của hai dân tộc, bộc lộ rõ tính tộc người chung, thể hiện trong những ngày tết, các lễ nghi trong gia đình và theo vòng đời. Người Tày và người Nùng đều tuân thủ tục thờ cúng theo hệ chín đời. Tuy nhiên, trên thực tế, ở cả hai dân tộc này đều chỉ cúng giỗ đến đời thứ ba: Cha mẹ, ông bà và cụ, còn đời thứ tư là kỵ thì tổ tiên biến thành vị thần coi giữ gia súc, có bàn thờ đặt ở ngoài trời, cúng vào dịp tết Nguyên Đán. Trong cách lập bàn thờ của các gia đình Tày, Nùng đều có điểm giống nhau cơ bản là: Dù trang trí đơn giản hay cầu kỳ thì trên bàn thờ của họ cũng có đặt ít nhất là một bát hương thờ các vị tổ tiên của gia đình mà cùng với nó là các lễ nghi thờ cúng rất cẩn trọng. Cũng có các kiêng kỵ mang tính chất tôn kính tổ tiên như: Không đặt các đồ vật ế tạp lên bàn thờ; Phụ nữ có thai không được đến gần bàn thờ... Người mới chết dưới ba năm phải lập bàn thờ riêng ở góc nhà, sau ba năm mới được đưa lên bàn thờ chung với các vị tổ tiên nhiều đời của gia đình. Các nghi lễ thờ cúng tổ tiên của người Tày, Nùng tương tự nhau. Ngoài việc thờ cúng theo thường lệ, người Tày và người Nùng còn có tục làm lễ trả nợ tổ tiên vào một vài dịp trong đời, nhất là khi gia đình có người ốm đau, chết, làm ăn không yên ổn, hay gặp hoạn nạn.

Nhìn chung, những đặc điểm sinh hoạt văn hóa của người Tày và người Nùng là một quá trình lịch sử lâu đời và được thúc đẩy bởi quá trình xây dựng cuộc sống mới ngày càng phát triển.

Ngoài mối quan hệ với người Kinh và người Nùng, đồng bào Tày ở Tuyên Quang còn gắn bó với nhiều dân tộc khác như đồng bào Hoa. Mối quan hệ Tày – Hoa được hình thành trong quá trình cùng sinh sống. Những nét văn hoá của đồng bào Hoa đã ảnh hưởng sâu sắc đến đồng bào Tày. Tiêu biểu, những ngày thờ cúng tổ tiên vào những dịp lễ tết trong năm như: Tết Thanh Minh, Đọan Ngọ, Nguyên Đán, Tết Vu Lan người Tày cũng chịu ảnh hưởng quan niệm nghi lễ tết người

Hoa. Ngay trong mối quan hệ của gia đình người Tày cũng mang đậm lễ giáo Đạo Khổng Trung Hoa cổ đại, người trưởng nam có quyền quyết định mọi vấn đề trong gia đình kể cả việc thờ cúng tổ tiên. Các bài cúng của thầy Tào đều được xây dựng trên cơ sở chữ Hán, dù đã có chữ Nôm Tày Nùng. Đối với các dân tộc thiểu số khác ở Tuyên Quang, người Tày cũng có mối quan hệ thân ái.

Kết luận chương 1: Với những yếu tố về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên đã tạo cho Tuyên Quang có những thuận lợi nhất định. Chính những yếu tố này đã tác động và chi phối không nhỏ đến đời sống văn hóa, kinh tế, tín ngưỡng của người Tày ở Tuyên Quang. Trên cơ sở tìm hiểu lịch sử tộc người Tày, chúng ta có thể nhận ra rằng, đồng bào Tày dù định cư ở phương nào cũng mang những nét văn hóa đặc trưng của tộc người mình. Tuy nhiên, khi định cư ở đâu, đồng bào Tày cũng có sự hòa nhập nền văn hóa của tộc người mình vào nền văn hóa chung của dân tộc. Sự hòa nhập ở đây không phải là hòa tan mà là trên cơ sở nét văn hóa đặc trưng của dân tộc mình, họ có sự điều chỉnh cho hợp với hoàn cảnh và môi trường sống của mình. Đó chính là nét văn hóa hòa nhập nhưng không hòa tan của đồng bào Tày ở Tuyên Quang. Trong khi kế thừa, bảo lưu, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang có sự hỗn dung các yếu tố văn hóa tộc người láng giềng và cả các yếu tố Nho, Phật, Đạo trong đó nổi bật là Đạo giáo.

Chương 2

VAI TRÒ, XU HƯỚNG VẬN ĐỘNG VÀ GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG TỔ TIÊN CỦA NGƯỜI TÀY Ở TUYÊN QUANG HIỆN NAY

2.1. Vai trò của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên trong đời sống tinh thần người Tày ở Tuyên Quang

Người Tày tin rằng linh hồn đã mất luôn ở trên bàn thờ tổ tiên để được gần gũi con cái, để theo dõi và giúp đỡ, phù hộ cho con cháu trong việc làm ăn, để củng cố mối quan hệ ruột thịt giữa những người cùng huyết thống gia đình. Vì vậy, tục thờ cúng tổ tiên là hình thức quan trọng nhất trong đời sống tâm linh của người Tày, nó đã bén rễ, ăn sâu vào đời sống tinh thần của người Tày từ thế hệ này sang thế hệ khác và trở thành cốt lõi của thuần phong mỹ tục. Ngoài ra, tục thờ cúng tổ tiên còn là biểu hiện của đạo lý làm người, là nhu cầu hướng về cội nguồn của gia đình, dân tộc, góp phần giáo dục đạo đức, nhân cách, điều chỉnh hành vi cá nhân con người. Sinh hoạt tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên là môi trường sản sinh, tích hợp các giá trị văn hóa, nghệ thuật, góp phần bảo lưu và gìn giữ bản sắc văn hóa tộc người. Thờ cúng tổ tiên không chỉ củng cố quan hệ huyết thống trong gia đình, dòng họ mà còn khẳng định tính cộng đồng làng xã, bảo đảm ổn định cho cả dân tộc.

2.1.1. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên là chỗ dựa tinh thần của người Tày

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên đã trở thành chỗ dựa tinh thần không thể thiếu của đại đa số nhân dân trong đó có người Tày ở Tuyên Quang hiện nay, góp phần bù đắp những thiếu hụt trong cuộc sống của họ. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên cũng giống như tôn giáo đều có vai trò, chức năng “đền bù hư ảo”, khóa lấp những khoảng trống vắng trong tâm hồn, xoa dịu, an ủi, vỗ về con người mỗi khi gặp bệnh tật hiểm nghèo hay những khó khăn trong cuộc sống. Đặc biệt, đối với dân tộc sống chủ yếu bằng nghề nông, kinh tế chậm phát triển, đời sống và sản xuất còn gặp nhiều khó khăn, vất vả, thất bát... thì niềm tin vào sự phù trợ, cầu may tránh rủi càng lớn hơn. Ngày nay kinh tế có phát triển nhưng lại nảy sinh nhiều hiểm họa khó lường, con người càng có nhu cầu được an ủi, cân bằng.

Đồng bào Tày quan niệm rằng con người ta sống thế nào thì chết đi vẫn thế, họ vẫn có thể tiếp tục quan tâm đến con cháu như khi còn sống, có thể phù hộ, tạo phúc và giải trừ hoạn nạn cho con cháu. Chính vì vậy, hiện nay người Tày ở Tuyên Quang thường xuyên cúng bái tổ tiên vào những dịp lễ tết và những ngày quy định. Đối với người Tày, tổ tiên luôn phù hộ cho con cháu, tuy nhiên, nếu có làm điều gì không hài lòng tổ tiên thì có thể bị họ quở trách, gây hoạn nạn cho con cháu như làm cho gia súc chết, người ốm đau... Lúc đó, con cháu phải sắm lễ vật làm lễ tạ mộ hoặc giải hạn cầu xin tổ tiên tha thứ. Đây là một việc làm có tác dụng giải tỏa tâm lý, là một liệu pháp tinh thần nhằm đem lại sự yên tâm về tâm lý cho các thành viên trong gia đình.

Đối với người Tày ở Tuyên Quang, sự đền ơn, báo hiếu với tổ tiên không chỉ được thể hiện thông qua việc thờ cúng ông bà, cha mẹ sau khi mất mà còn được thể hiện thông qua việc làm lễ mừng thọ cho ông bà, cha mẹ khi về già và tổ chức tang lễ khi họ qua đời. Đó là những sinh hoạt diễn ra khá phổ biến ở đây. Lễ mừng thọ cho người già được tổ chức với ý nghĩa cầu mong cho ông bà, cha mẹ trong gia đình thượng thọ và mạnh khỏe, thể hiện sự quan tâm, chăm sóc, động viên, sự an ủi lớn về mặt tinh thần của con cháu đối với ông bà, cha mẹ khi họ còn sống. Qua đó những người già được động viên khích lệ, giúp sống lạc quan, vui vẻ bên con cháu.

Một trong những nghi lễ quan trọng mà hiện nay hầu hết cộng đồng người Tày ở Tuyên Quang vẫn giữ gìn và tuân theo đó là nghi lễ tang ma truyền thống. Trong toàn bộ nghi thức của đám tang là những màn trình diễn, những bước đi đưa linh hồn người chết về trời. Nó xuất phát từ niềm tin sâu xa về sự tồn tại cuộc sống sau cái chết cũng như cội nguồn gốc gác của con người là ở mừng trời trong quan niệm xa xưa của người Tày. Ngoài việc tổ chức đưa linh cữu người chết ra nghĩa địa thì ý nghĩa cơ bản của việc tổ chức tang ma theo nghi thức truyền thống là làm mọi công việc chuẩn bị cho người chết một cuộc sống mới tốt đẹp ở thế giới bên kia. Người chết có được yên ổn thì con cháu mới yên tâm không lo sợ người chết trở về trách cứ, quở phạt, làm ảnh hưởng đến sinh sống và làm ăn của con cháu. Việc làm đó về thực chất là một cách giải quyết tư tưởng cho người sống, an ủi và làm yên lòng người sống trước sự ra đi của người chết.

Một tâm lý phổ biến của người Tày hiện nay là lo sợ tổ tiên, thần linh quở trách. Việc thực hiện các lễ giải hạn trước hết là nhằm mục đích tạ tổ tiên, là dịp con cháu kiểm điểm, sám hối tội lỗi với tổ tiên. Vì vậy, người ta mời thầy Tào đến nhà giải hạn và tạ lễ tổ tiên. Đây cũng là một cách để trấn an, xoa dịu tinh thần cho mọi người.

Ngoài ra, sự bảo trợ về tinh thần của người Tày không chỉ có vai trò của tổ tiên gia đình, dòng tộc mà còn có vai trò quan trọng của các vị thần bản mệnh (thổ công, thành hoàng). Chính vì thế mà thông qua những ngày lễ tế tự Thành hoàng, người Tày Tuyên Quang bày tỏ lòng biết ơn đối với công lao, ân đức và cầu mong nhận được sự che chở của các vị thần thông qua phần lễ và phần hội. Phần lễ là nghi thức được quy định chặt chẽ, mang đậm màu sắc tín ngưỡng, tôn giáo, phần hội là phần diễn xướng tập thể, mang đậm màu sắc văn hóa nghệ thuật dân gian, trong đó phảng phất những yếu tố tâm linh tôn giáo. Lễ hội làng là nơi giải tỏa những ước muốn tâm linh của người Tày, là nơi giúp con người lập lại một sự cân bằng trong quan hệ nhiều chiều: Người và người, người và thần linh, người và vạn vật. Thông qua lễ hội làng, mỗi người Tày ở Tuyên Quang đều dường như cảm thấy mình được bình đẳng trước trời đất, thánh thần để tỏ lòng biết ơn, cầu mong sự che chở đối với bản thân, gia đình, họ tộc và làng xã. Dường như sự phân biệt về địa vị và thân phận của mỗi người đều bị phá bỏ trong mối quan hệ với thế giới thần linh, nó đã góp phần giúp người Tày tăng thêm niềm tin với chính bản thân mình, quên đi những lo toan, nhọc nhằn của đời sống hiện thực, giúp họ lấy lại được cân bằng về tâm lý để sống vui hơn, tốt hơn ngay khi lễ hội kết thúc.

Tóm lại sự tồn tại của các nghi lễ thờ cúng tổ tiên trong cuộc sống hiện nay của người Tày là một nhu cầu cần thiết nhằm đem lại sự bình ổn về mặt tinh thần cho người dân. Chính tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên mang lại cho con người một niềm an ủi, động viên, một sự nâng đỡ tinh thần nhất định. Trong những lúc khó khăn, bất lực của con người trước một tình huống nào đó, con người luôn khát khao, ước mơ một sự cứu rỗi, sự trợ giúp từ một sức mạnh siêu phàm mà họ vẫn xem là có khả năng ủng hộ, giúp đỡ mình. Họ tìm thấy ở đó một sự đền bù cho sự trống rỗng, bất

lực trong hiện thực. Dù đó là sự đền bù hư ảo đi nữa, nó cũng ít nhiều giúp người có niềm tin và giảm bớt sự khổ đau. Nhờ đó, sự khổ ải trần thế trở nên nhẹ nhàng hơn; trong cuộc sống, họ có được một niềm tin, một hy vọng đã là điều có sức cổ vũ lớn, góp phần giúp họ vượt qua khó khăn, trắc trở để tồn tại và phát triển. Vì vậy, thờ cúng tổ tiên có vai trò đáp ứng nhu cầu tâm linh dân dã mà sâu sắc, linh động mà quy củ, đơn giản mà bền vững cho người Tày hiện nay.

2.1.2. Thờ cúng tổ tiên góp phần giáo dục đạo đức, nhân cách, điều chỉnh hành vi cá nhân của con người

Xuất phát từ tâm lý phổ biến là lo sợ tổ tiên, thần linh quở trách, trừng phạt nếu con người vi phạm những răn dạy về đạo đức. Do đó, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên có vai trò không nhỏ trong việc điều chỉnh hành vi của mỗi cá nhân, đòi hỏi họ phải thực hiện nghĩa vụ đạo đức. Nhờ thế, con người sống với nhau tốt hơn, cuộc sống của cộng đồng nhờ thế cũng đẹp hơn. Như vậy, các giá trị nhân văn thuộc về đạo đức, lối sống đã được đề cao và lưu giữ thông qua hoạt động thờ cúng tổ tiên.

Người Tày ở Tuyên Quang cũng nhận thức rõ vai trò đó, cho rằng, thờ cúng tổ tiên thể hiện sự tri ân đối với những bậc sinh thành ra mình, đồng thời để cầu mong tổ tiên luôn gần con cháu, động viên, phù trợ giúp con cháu trong đời sống thường nhật. Thông qua thờ cúng tổ tiên người Tày muốn thể hiện lòng thành kính, biết ơn đối với tổ tiên. Trong mỗi gia đình, đạo thờ cúng tổ tiên đã trở thành đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, thành “đạo hiếu” và lối sống nhân văn trọng nghĩa tình, có thủy chung. Chính vì thế, thờ cúng tổ tiên trở nên rất quan trọng đối với mỗi người, mỗi gia đình. Nó động viên, khuyến khích con người hướng đến cái thiện, phấn đấu lao động và học tập tốt để được thành đạt, làm rạng rỡ tổ tiên, làng xóm, quê hương.

Dân tộc Tày ở Tuyên Quang cũng giống như các dân tộc khác, rất coi trọng chữ hiếu. Gia đình hòa thuận, con cháu hiếu thảo với ông bà cha mẹ là một trong những nét đẹp trong truyền thống giáo dục gia đình đã được thể hiện thông qua tục thờ cúng tổ tiên, đặc biệt thông qua việc tổ chức lễ mừng thọ cho người già đã thể hiện được sự quan tâm, chăm sóc, động viên về mặt tinh thần của con cháu đối với ông bà cha mẹ. Đây là dịp con cháu xum vầy tỏ lòng hiếu thảo cùng phối hợp với

các thầy cúng cầu phúc, cầu thọ cho ông bà cha mẹ thông qua các màn trình diễn mang đậm màu sắc tâm linh.

Tổ chức tang lễ khi ông bà, cha mẹ qua đời là việc làm thể hiện chữ hiếu của con cháu và cũng là một cách để trả ơn dưỡng dục của ông bà cha mẹ. Vì vậy, trước đây có tục nếu gia đình nào chưa mời thầy Tào làm lễ cho người chết trong đám tang thì về sau nếu có điều kiện họ vẫn mời thầy đến nhà làm lại gọi là “làm ma khô”. Ngoài nghi thức thầy Tào ra trong các đám tang của người Tày còn có thêm bộ phận hát nghi lễ. Nội dung xuyên suốt của các lời hát này là đề cao đạo lý làm người: Ăn quả nhớ kẻ trồng cây; uống nước nhớ nguồn, hay có thể nói, đó là việc đề cao tình cảm gia đình, đề cao chữ hiếu.

Đặc biệt, mỗi khi phải đối diện với tổ tiên, con người không dám dối lừa, không dám tỏ thái độ bất kính, khiếm nhã vì sợ bị quở trách và trừng phạt... Cũng có tác dụng phòng ngừa, cản trở, ngăn chặn những hành vi xấu có thể diễn ra. Tác giả Toan Ánh, cho rằng: “Sự tin tưởng vong hồn cha mẹ ngự trên bàn thờ có ảnh hưởng nhiều đến hành động của người sống. Nhiều người sợ vong hồn cha mẹ buồn đã tránh những hành vi xấu xa, và đôi khi định làm một việc gì cũng suy tính kỹ lưỡng, xem công việc đó lúc sinh thời cha mẹ có chấp nhận hay không. Người ta sợ mang tội bất hiếu nếu làm cho vong hồn cha mẹ phải tủi hổ qua hành động của mình” [4, Tr. 25].

Người Tày ở Tuyên Quang khi cử hành nghi lễ thờ cúng tổ tiên đã luôn tỏ ra trân trọng, thành kính bằng những cử chỉ và hành vi tốt đẹp nhất. Có lẽ tâm lý sợ hãi tổ tiên trừng phạt đã khiến mọi người đều phải điều tiết, chế ngự bản thân, không dám hành động càn quấy. Những lời hứa hẹn, thề nguyện của con cháu trước tổ tiên, thần thánh cũng đã tạo nên một tinh thần phấn chấn, ý chí quyết tâm, nỗ lực vượt khó để hoàn thành tốt những mục tiêu mà bản thân và gia đình hướng tới như: học hành tiến bộ, thi cử đỗ đạt, kinh doanh buôn bán tốt... Niềm tin vào một đấng siêu hình có thể sai khiến ngay kẻ trót lầm đường lạc lối, thức tỉnh lương tri, quay trở về sống lương thiện. Đồng thời, nó giúp mọi người sống nhân ái, phải độ lượng hơn, sẵn sàng cảm thông tha thứ. Như một sức mạnh diệu kỳ, việc thờ cúng ông bà tổ tiên đã khuất có tác dụng rất lớn trong quá trình giúp con người tự hoàn thiện đạo

đức, nhân cách của mình sao cho phù hợp với giá trị chuẩn mực và quy ước chung của cộng đồng. Vì vậy, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang đã góp phần không nhỏ vào việc giáo dục và hướng con người đến Chân – Thiện – Mỹ, rất cần được chú ý giữ gìn.

Với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, chữ hiếu không chỉ dừng lại ý thức, giáo dục đạo đức mà dần dần đã trở thành những nghi thức, tập tục, khuôn mẫu thường xuyên nhắc nhở con cháu có trách nhiệm với quá khứ, hiện tại và tương lai; với anh em, chòm xóm và xã hội.

Thờ cúng tổ tiên không chỉ giới hạn ở việc thờ cúng những người có công sinh thành, dưỡng dục đã khuất mà tôn thờ cả những người có công với cộng đồng, làng xã, đất nước. Bởi vì, trong tâm linh của người Việt Nam nói chung và người Tày ở Tuyên Quang nói riêng, khó có thể tách gia đình, làng xóm, đất nước ra thành những yếu tố riêng biệt. Cho nên, lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc là giá trị đạo đức quý báu và xuyên suốt, có ý nghĩa định hướng lẽ sống của con người. Nó góp phần củng cố, duy trì, vun đắp và phát huy những giá trị đạo đức truyền thống của quê hương như lòng hiếu thảo, lòng nhân ái, tinh thần đoàn kết, đức tính cần cù, sáng tạo, tinh thần hiếu học, chí tiến thủ, lòng yêu nước. Thể hiện ở các nghi lễ tôn thờ các vị có công với cộng đồng, ngày nay được các cấp chính quyền khuyến khích người Tày tham gia.

Như vậy, một trong những ý nghĩa quan trọng của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang là đã góp phần giáo dục đạo đức, nhân cách, điều chỉnh hành vi cá nhân của con người trong gia đình, qua đó, lưu giữ và thể hiện được lối sống, đạo đức truyền thống của người Tày ở Tuyên Quang hiện nay đang được gìn giữ và phát huy.

2.1.3. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên góp phần bảo lưu và giữ gìn bản sắc văn hóa tộc người

Trong cuộc sống xã hội hiện đại khi mà nhiều yếu tố văn hoá nghệ thuật cổ truyền của người Tày đang mất dần môi trường diễn xướng thì các hình thức sinh hoạt văn hoá tín ngưỡng chính là môi trường tốt nhất cho việc bảo lưu và nuôi dưỡng các hình thức văn hoá nghệ thuật cổ truyền của họ.

Lý luận về văn hóa học đã đi đến nhận thức, bản thân tín ngưỡng, tôn giáo cũng là một hình thái văn hóa dựa trên quan niệm về sự tồn tại của một thế giới siêu nhiên đối lập và quan hệ chặt chẽ với thế giới trần tục thông qua các hình thức thông quan của con người và thế giới thần linh. Các hình thức tín ngưỡng tôn giáo bản địa luôn sản sinh và tích hợp các hình thức văn hóa nào đó, như các huyền thoại, thần tích, các bài cúng, lời cầu thần, các hình thức diễn xướng thông qua âm nhạc, múa, các hình thức trang trí, tranh thờ và tượng thờ, các hình thức ứng xử và nghi lễ của con người trước thần linh, các quan niệm chuẩn mực về cái đẹp, cái thiện, cái xấu, cái ác.... Tất cả những điều đó đã tạo nên văn hóa tín ngưỡng tôn giáo [53, tr 455- 456].

Khi nghiên cứu về các hệ thống tín ngưỡng truyền thống ở Việt Nam, tác giả Nguyễn Thụy Loan đã khái quát: Tín ngưỡng, tôn giáo là một trong những môi trường quan trọng cho sự sáng tạo và nảy sinh âm nhạc [39, tr 65].

Sinh hoạt tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang cũng là nơi lưu giữ các giá trị văn hóa nghệ thuật cổ truyền của dân tộc. Thông qua các hình thức sinh hoạt tín ngưỡng đặc biệt trong tang ma, các thầy Tào không chỉ đóng vai trò là người bảo trợ đời sống tâm linh cho dân bản mà còn là người diễn xướng, trình diễn các loại hình nghệ thuật của dân tộc thông qua quá trình hành lễ của họ. Trong khi hành lễ người thầy cúng phải là người nghệ sỹ dân gian hội tụ đầy đủ các yếu tố như: Nghệ thuật biểu diễn hát, múa, diễn xướng, nghệ thuật ngữ văn dân gian, văn tự cổ, nghệ thuật tạo hình, cắt giấy... Trong tang ma của người Tày luôn có sự xuất hiện của các loại hình ca múa nhạc và diễn xướng.

Tác giả Hà Đình Thành cho rằng có thể phân chia âm nhạc dân gian Tày – Nùng thành hai loại: Âm nhạc mang tính chất đời thường và âm nhạc mang tính chất tín ngưỡng. Âm nhạc mang tính chất tín ngưỡng đóng vai trò quan trọng về số lượng và chất lượng, âm nhạc đời thường có khi cũng có nguồn gốc từ âm nhạc mang tính chất tín ngưỡng. Âm nhạc mang tính chất tín ngưỡng bao gồm: Hát cúng và hát tang. Trong khi hát có sự tham gia của các loại hình nhạc cụ như: Đàn tính, sáo, trống, thanh la, chuông, nhạc xóc, chũm chọe... Hát cúng là hát của các thầy

Then, Mo, Pụt khi hành lễ, còn hát tang chủ yếu liên quan đến thầy Tào và hát khóc ma (hả phi) của nữ tang chủ [52, tr 458-459].

Trong nhạc tang lễ của đồng bào Tày ở Tuyên Quang, ngoài thầy Tào còn có một tập nghệ nhân cùng tham gia diễn tấu các nhạc cụ. Nhạc tang lễ thường xuyên dùng hình thức diễn tấu tập (hoà tấu), tuy nhiên cũng có lúc tấu đơn: hát đi với một nhạc cụ đệm. Trong quá trình làm lễ, ban nhạc phải thể hiện theo bài bản, thay đổi âm thanh theo nghi lễ, khi thì trống, thanh la, sáo, nhị được hoà tấu rộn rã, lúc lại tĩnh tại rất phù hợp. Người hoà tấu âm thanh được luyện cẩn thận, bài bản, kỹ lưỡng vì họ quan niệm những lỗi nhạc thường ngày trong cuộc sống có thể tha thứ, nhưng lỗi nhạc đưa tiễn linh hồn không thể bỏ qua.

Nhạc tang được coi là phương tiện giao tiếp với tổ tiên, thần linh. Vì vậy, tùy từng nghi lễ họ tấu các âm điệu khác nhau. Như vậy, nhạc tang lễ tạo thêm cho tang ma ý nghĩa nhân văn mang tính cộng đồng và là một dạng thức hoạt động văn hóa hơn là tang lễ.

Tang ma của người Tày ở Tuyên Quang còn hàm chứa các giá trị nghệ thuật và diễn xướng. Thông qua các bài tang ca, những điệu múa làm vui lòng người chết do thầy Tào và các con cháu trong gia đình thực hiện, nghệ thuật diễn xướng gắn với tâm linh, an ủi cả người ra đi lẫn người ở lại.

Trong sinh hoạt tín ngưỡng (đặc biệt trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên biểu hiện thông qua tang ma) còn là hình thức để bảo tồn nghệ thuật tạo hình và nghệ thuật trang trí của người Tày. Trong các nghi lễ phải có không gian và môi trường diễn xướng, nghệ thuật tạo hình của họ đã tạo nên không gian diễn xướng đặc trưng của dân tộc mình. Đối với những nghi lễ cụ thể sẽ có quy định riêng về lễ vật đi kèm. Nó được trang trí theo lối hội họa dân gian khá cầu kỳ và biểu hiện sinh động vũ trụ, thiên nhiên, con người thế gian và của cả con người cõi chết như nhà táng làm bằng khung tre phết giấy màu, cây tiền, cây hoa được kết thành cỡ lớn, ngựa giấy, hình nhân...

Đáng chú ý là ngoài những nét chung trong thực hành nghi lễ thờ cúng tổ tiên, mỗi vùng có dân tộc Tày ở Tuyên Quang lại có những nét riêng, độc đáo trong

việc thực hành nghi lễ này. Ngoài ra, ở các đền thờ những người có công với làng xã, địa phương (ví dụ: Đền Pú Bảo thờ danh nhân lịch sử Nguyễn Thế Quả; Đền Khuân Nhựt thờ ông Đán Khao và Phù Mi), đến những ngày lễ hội, dân làng khắp mọi miền đến thực hiện nghi thức và tham gia vào lễ hội truyền thống. Trong các lễ hội, các sinh hoạt văn hóa nghệ thuật không chỉ là các sinh hoạt thông thường mà nó còn là phong tục, nghi lễ đã được chuẩn hóa, không thể tùy tiện thêm thắt hay cắt bỏ. Đó chính là môi trường nảy sinh, tích hợp, bảo tồn các giá trị văn hóa, nghệ thuật với nhiều yếu tố riêng đặc sắc của người Tày ở Tuyên Quang.

2.1.4. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên có tác dụng củng cố sự cố kết cộng đồng, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang như một chất keo gắn kết con người với nhau một cách bền chặt. Nhân dịp tổ chức các sinh hoạt nghi lễ gia đình, người Tày thường có tục mời thêm anh em họ hàng, các tộc người lân cận đến tham dự. Các con cháu trong gia đình đi làm ăn xa hoặc đi công tác nếu có điều kiện cũng thu xếp về nhà. Đặc biệt nếu đó là các lễ mừng thọ, tang ma, cưới xin thì con cháu, họ hàng tụ họp đông đủ để chung vui, chia buồn với gia đình đồng thời cũng tham gia vào việc thực hành nghi lễ.

Trong các đại lễ như đám tang, các thành viên trong gia đình và họ hàng ngoài tham gia tổ chức tang lễ còn trực tiếp tham dự các thủ tục nghi lễ dưới sự điều khiển của thầy Tào như tế cơm, làm tâng (tạm hiểu là dâng lễ làm hiếu), phá ngục... Trong đó đêm nào cũng có mục làm tâng, các con cháu biện lễ rồi xếp hàng theo thầy Tào đi vòng quanh quan tài trong tiếng hát xướng và dàn nhạc tung bưng. Đêm thứ nhất là làm cho con trai, con dâu (tâng con trai) ; đêm thứ hai là làm cho con gái, con rể (tâng con gái); đêm thứ ba làm cho đại gia đình con cháu, họ hàng (tâng họ). Ý nghĩa của mục này là thầy Tào hát xướng kể công lao cha (mẹ) đã nuôi dạy con cái và việc báo hiếu của con cái, họ hàng đối với người đã mất.

Ngoài ý nghĩa tâm linh ra, các thủ tục nghi lễ nói trên còn bao hàm những ý nghĩa sâu xa về mặt văn hóa, nó thể hiện sự tinh tế trong văn hóa ứng xử của người Tày. Có thể thấy thông qua những hoạt động nghi lễ vừa đậm ấm vừa trang trọng

như vậy đã góp phần củng cố, nhắc nhở ý thức đoàn kết, gắn bó giữa các thành viên trong gia đình và dòng họ.

Đoàn kết, tương thân tương ái là một nghĩa cử trong mối quan hệ làng bản của người Tày. “Nghĩa tử là nghĩa tận” nên cũng như ở nhiều dân tộc khác, đám tang của người Tày đều nhận được sự quan tâm, giúp đỡ vô tư, tự nguyện của mọi người trong và ngoài bản.

Người Tày ở Tuyên Quang rất coi trọng tình làng nghĩa xóm “tối lửa tắt đèn có nhau”. Trong các đám tang thành phần không thể thiếu là bà con lối xóm đến giúp đỡ, động viên, chia buồn. Mỗi người đến viếng đều mang theo những lễ vật và tiền phúng theo luật tục của cộng đồng, để biểu đạt niềm thương tiếc và chia buồn với gia chủ. Tang chủ có nghĩa vụ nhận, cảm ơn những người đến viếng và không có quyền từ chối sự phúng viếng của họ vì đó là tình cảm, sự chia sẻ trách nhiệm của cộng đồng. Thực tế món tiền, lễ vật của bà con lối xóm, thân bằng cố hữu, ngoài ý nghĩa giúp đỡ nhau lúc khó khăn còn là sự ký gửi, phòng khi nhà mình có việc tương tự. Hành động nhận vật lễ và tiền phúng viếng đã trở thành tập tục tri nhân, thấm đẫm trong tư duy của mỗi thành viên. Tập tục ấy ràng buộc tang chủ với cộng đồng cả về trách nhiệm và tình cảm.

Đặc điểm rất đáng trân trọng của người Tày ở Tuyên Quang là yếu tố cộng đồng được thể hiện mạnh mẽ trong tang ma. Nó biểu hiện sự đoàn kết, nhất trí của mỗi cộng đồng, tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, nhất là những lúc khó khăn, hoạn nạn. Chính tinh thần ấy đã nuôi dưỡng tâm hồn con người, giáo dục đạo lý làm người cho các thế hệ mai sau. Đó cũng là nét ứng xử hết sức tinh tế của cộng đồng không chỉ dành cho người quá cố mà cả gia quyến. Chính vì vậy, trong bữa cơm cộng cảm sau khi đi chôn về, tang chủ mời tất cả anh em, hàng xóm, các thành viên giúp đỡ đám tang ăn cơm và đến từng mâm để cảm ơn.

Sự cố kết cộng đồng của người Tày ở Tuyên Quang còn được thể hiện thông qua tục dâng lễ cúng thổ công. Vào dịp tết Nguyên đán hay dịp lễ cầu mùa, các gia đình trong làng, bản thường mang lễ vật, hương hoa tập trung ở miếu để cúng thổ công, cúng xong lễ vật được hạ xuống để các gia đình tập trung ăn uống tại miếu,

sau đó nhà ai về nhà ấy ăn tết. Miếu thờ thổ công có ở các bản làng của người Tày ở Tuyên Quang như một yếu tố không thể thiếu trong đời sống tâm linh của đồng bào, có tác dụng cố kết cộng đồng làng bản.

Ngoài ra, để thể hiện lòng biết ơn, công khai phá, bảo vệ làng bản của thành hoàng thông qua những ngày lễ hội, đã đưa mọi người ở mọi tầng lớp, mọi thế hệ trong một bản làng thậm chí còn nhiều bản làng lại với nhau. Khuôn quanh những không gian thiêng liêng ấy, hàng năm lễ thần và hội làng diễn ra là dịp niềm tin thiêng liêng được củng cố, nhắc nhở mọi người nhớ về cội nguồn. Lễ hội làng giúp cho con người gắn bó, gần gũi nhau hơn, thắt chặt hơn sợi dây đoàn kết giữa bà con, họ hàng và góp phần tăng cường tính đoàn kết trong cộng đồng. Tính cộng đồng được thể hiện qua sự cộng mệnh và sự cộng cảm của tất cả mọi người dự hội. Thông qua lễ hội, việc tưởng nhớ đến công khai phá, bảo vệ làng bản của thành hoàng, đến công nuôi dưỡng của cha mẹ và cầu khẩn cho mùa màng bội thu, cuộc sống được yên vui hạnh phúc là yếu tố rất quan trọng gắn kết các dân tộc, các gia đình, các bản làng cùng hợp lại với nhau. Trong lễ hội, từ sự cộng mệnh đến sự cộng cảm thông qua các hoạt động của lễ và hội. Đó là sự đồng cảm về các hoạt động tâm linh, các hoạt động văn hóa vui chơi của cộng đồng. Lễ hội đã khơi dậy và quy tụ được mối đồng cảm đó, mọi người cùng tham gia trình diễn, sáng tạo và hưởng thụ. Đoàn kết và tôn trọng giữa những người cùng sống trong cộng đồng, đó là một nét ứng xử rất văn hóa của dân tộc Tày ở Tuyên Quang.

Lễ hội cũng là dịp người ta gặp gỡ, trao đổi, tăng thêm mối quan hệ tương giao thân tình giữa những người quanh vùng. Thông qua các hình thức nghi lễ tế thần, sinh hoạt cộng cảm, cùng vui trong các cuộc diễn xướng trong lễ hội, người ta không ngần ngại bộc lộ tâm nguyện để được mọi người chia sẻ những vui buồn, khúc mắc trong cuộc sống. Bởi trong lễ hội, thông qua tiếng hát lượn, hát then người ta tìm thấy được sự đồng cảm của tiếng nói bạn bè. Đưa con người trở lại bên nhau chính bằng sự hồn nhiên và sự tin yêu đồng loại. Thông qua các lễ hội là dịp biểu dương tốt nhất sức mạnh đoàn kết gắn bó của mọi thành viên với cộng đồng.

Tóm lại, đối với người Tày ở Tuyên Quang, nếu tục thờ cúng tổ tiên trong gia đình, dòng họ đã củng cố mối quan hệ ruột thịt và đánh thức trong lòng mỗi người biết ơn những người đi trước thì việc thờ thần bản mệnh (Thổ công, Thành Hoàng làng) đã tạo thành một sợi dây liên kết linh thiêng giữa các thành viên trong làng bản và trong vùng từ thế hệ này sang thế hệ khác, góp phần nâng cao ý thức tộc người trong cộng đồng. Ngoài ra, việc duy trì sinh hoạt tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên còn là sự trao truyền, chuyên giao, tiếp nối của các thế hệ người Tày giúp bảo lưu truyền thống văn hóa của mỗi địa phương, góp phần mãn nhu cầu tâm linh của đồng bào. Việc thực hiện hoạt động thờ cúng tổ tiên giúp đồng bào Tày giải tỏa tâm lý, làm cho họ cảm thấy an tâm hơn trong cuộc sống. Qua những hình thức thờ cúng và lễ hội, người người xích lại gần nhau, thông cảm với nhau hơn, tình đoàn kết anh em, làng xóm, bầu bạn, hòa hợp dân tộc dễ dàng thực hiện. Vì vậy, tính nhân văn của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên là điều không thể phủ nhận.

2.1.5. Hạn chế trong sinh hoạt tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang

Phát huy truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, đề cao, ghi nhớ công ơn của ông bà tổ tiên, dòng họ là điều đáng quý, nên làm. Tuy nhiên, quá trình thực hành thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang hiện nay có yếu tố đã làm nảy sinh sai lệch đáng tiếc, những hiện tượng tiêu cực xuất hiện. Chẳng hạn như có những dòng họ lớn nhiều đời vinh hiển, lắm công thần, nhiều người đỗ đạt, kinh tế vững... nên con cháu muốn phô trương thanh thế bằng cách xây cất lăng mộ quá lớn. Thêm vào đó là khôi phục những hủ tục, nghi lễ cúng phức tạp, mất nhiều thời gian gây tốn kém về mặt kinh tế và phản văn hóa, phản giáo dục nhiều khi còn mang màu sắc mê tín dị đoan.

Có những gia đình tổ chức lễ mừng thọ cho người già không chỉ đơn thuần là hành động báo hiếu, chúc thọ cha mẹ để cha mẹ khỏe mạnh, sống lâu với con cháu mà đan xen vào đó là hành vi thực dụng, làm cỗ mời để đem lại thu nhập bằng phong bì của khách đến dự. Do đó mà dẫn đến việc tổ chức linh đình, gây mất trật tự ổn định của địa phương và làm mất đi ý nghĩa cao đẹp của lễ mừng thọ.

Bên cạnh đó, những dòng họ lớn, con cháu nhiều và có điều kiện kinh tế thường tổ chức làm “mát nhà” và “kỳ yên mát nhà” luân phiên từng gia đình theo từng năm... Còn những dòng họ nhỏ, ít con cháu, không có điều kiện kinh tế thì không tổ chức được, điều đó phần nào gây mất đoàn kết trong các dòng họ.

Ngoài xu hướng thiên về hình thức, phô trương lãng phí thì trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang hiện nay cũng đang có xu hướng thiên về mê tín dị đoan. Nhiều người quá tin vào sự phù hộ độ trì, sự che chở, giúp đỡ của tổ tiên nên bất cứ làm việc gì dù to hay nhỏ cũng phải khấn vái tổ tiên. Thậm chí tự mình khấn vái chưa đủ, họ còn đi xem bói và mời thầy cúng về cúng hoặc giải hạn, làm lễ cầu an cho gia đình. Đôi khi gia đình có người hay ốm đau hoặc có chuyện gì đó xảy ra bất thường thì họ cũng mời thầy cúng về làm lễ gia tiên... Cũng chính vì quá tin vào giờ “xấu”, “tốt” mà người Tày đã hình thành tập quán quán xác chết trong nhà lâu ngày, ít thì vài ba hôm, dài thì có thể năm đến bảy ngày... đặc biệt là những người cao tuổi. Rồi từ niềm tin mê muội, cuồng nhiệt, viển vông dựa trên sự suy luận nhằm nhí đã làm xuất hiện các hiện tượng gọi hồn, đốt vàng mã, lợi dụng nhà ngoại cảm, mời thầy cúng bốc bát nhang, cúng giỗ, cầu siêu... trong hoạt động thờ cúng tổ tiên. Những kẻ bói toán, gọi hồn mạo nhận đã lôi kéo những người nhẹ dạ cả tin tham gia để kiếm lời trục lợi, gây ra tình trạng hư hư, thực thực làm cho đời sống tinh thần trong cộng đồng hoang mang, bất ổn ở nhiều vùng, nhiều họ tộc, gia đình, gây tổn thất tiền của, sức khỏe, thời gian và gieo rắc nỗi lo sợ về tâm lý cho nhiều người.

Có thể thấy hoạt động thờ cúng tổ tiên với những tư tưởng lành mạnh đang bị hình thức mê tín dị đoan lấn át. Họ thờ cúng chỉ hướng vào việc cầu may, mong sung sướng, an lạc, tai qua nạn khỏi... làm cho họ mất dần đi sự tự tin, thiếu tính tích cực chủ động sáng tạo trong cuộc sống. Những hủ tục, nghi lễ thờ cúng tổ tiên của người Tày mang nhiều yếu tố mê tín dị đoan trong thời kỳ hiện nay ở Tuyên Quang đang có khuynh hướng khôi phục và phát triển phổ biến trong cộng đồng dân cư, họ tộc và gia đình. Khuynh hướng này biểu hiện rất phức tạp và đa dạng, bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân như trình độ dân trí còn thấp, ảnh hưởng của thói

quen, tâm lý của những người cao tuổi, truyền thống lạc hậu, sự buông lỏng của các cơ quan quản lý nhà nước, sự giáo dục nếp sống, lối sống mới chưa đầy đủ và kịp thời...

Như vậy, bản thân mọi giá trị không phải “nhất thành bất biến” mà nó luôn biến đổi cùng tiến trình lịch sử. Các giá trị của ngày hôm qua chưa hẳn là giá trị của ngày hôm nay. Những giá trị đạo đức trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên như đã khái quát ở trên có thể nói là vĩnh hằng cùng với sự tồn tại và phát triển của dân tộc, song bản thân tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên cũng chứa đựng trong đó những hạn chế, bởi nó là sản phẩm của “nền văn minh nông nghiệp”, “văn minh làng xã” trong lịch sử. Vì vậy, việc kế thừa những giá trị văn hóa, đạo đức truyền thống đòi hỏi phải được kết hợp với những giá trị văn hóa, đạo đức mới. “Nội dung mới” cần được đưa thêm vào “hình thức cũ” cho phù hợp với xã hội công nghiệp hiện đại. Hiếu với tổ tiên, ông bà, cha mẹ cần được nâng lên cao hơn, đẹp hơn; lòng nhân ái phải được nâng lên thành chủ nghĩa nhân đạo; tính cộng đồng cần được kết hợp với chủ nghĩa tập thể, lòng yêu nước phải gắn với yêu chủ nghĩa xã hội; tính cần cù sáng tạo trong lao động phải gắn với lòng tự tin, ý thức làm chủ khoa học, công nghệ hiện đại. Có như vậy thì những giá trị đạo đức truyền thống, trong đó có những giá trị đạo đức trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên mới có ý nghĩa tích cực trong việc giữ gìn và xây dựng “nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” mà Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đề ra.

2.2. Xu hướng vận động của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang hiện nay

Cùng với dòng chảy của thời gian và lịch sử, ngày nay đời sống vật chất và đời sống tinh thần của người Tày đã có nhiều biến đổi. Trên cái nền bản địa, sự góp mặt của các yếu tố du nhập cùng với quá trình giao lưu tiếp biến và sự tác động của các yếu tố xã hội đã tạo nên một diện mạo mới cho đời sống sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng của người Tày ở Tuyên Quang. Trong đó, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của đồng bào Tày ở Tuyên Quang hiện nay cũng có xu hướng biến đổi theo hướng tích cực và cả tiêu cực. Sự biến đổi đó được thể hiện trước hết ở sự mất dần các nghi lễ

mang tính cộng đồng; sự phục hồi và phát triển các sinh hoạt nghi lễ trong gia đình; sự biến đổi về cách thức tổ chức và thực hành nghi lễ.

2.2.1. Xu hướng mất dần các nghi lễ mang tính cộng đồng

Các nghi lễ mang tính cộng đồng của người Tày được thực hiện thông qua việc thờ thổ công và thờ thành hoàng làng ở mỗi làng bản hay liên làng. Đó chính là thờ người có công lao rất lớn đối với bà con dân bản, hoặc là người có công dẫn dắt bà con khai phá, lập làng, lập bản được cư dân coi là tổ tiên của bản. Để tỏ rõ lòng tôn kính các vị thần bản mệnh, trước đây mỗi bản làng người Tày ở Tuyên Quang đều lập một ngôi miếu, đền nhỏ để làm nơi diễn ra các hoạt động thờ cúng. Vào đầu năm mới, dân bản thường có chung một ngày tế thổ công (theo quy định của từng nơi) với hình thức: Cả bản góp chung tiền để mua lễ vật gồm lợn, gà, xôi màu, bánh khảo, bánh trưng, hoa quả, rượu... do một vị thầy cúng thay mặt dân bản đứng ra làm chủ tế với mục đích cầu an, cầu lộc, sau đó mọi người tập trung ăn uống lấy lộc ngay tại nơi làm lễ đến nửa chiều mới tan cuộc. Tuy nhiên, hiện nay phần lớn các nghi lễ mang tính cộng đồng đã vắng bóng dần trong đời sống của người Tày ở Tuyên Quang. Chỉ một số làng bản vẫn còn duy trì được các miếu thờ, đình làng cổ thì họ vẫn tổ chức các nghi lễ thờ cúng thần bản mệnh nhưng các nghi thức và lễ hội cũng đã ít nhiều có sự biến đổi.

Sự thay đổi này trước tiên xuất phát từ cuộc vận động bài trừ mê tín, xây dựng nếp sống văn hóa mới một thời đã góp phần biến các miếu thờ thổ thần, đình hoàng làng của nhiều làng bản trở thành hoang phế. Điều đó khiến cho tục thờ cúng thổ thần, thờ thành hoàng của làng bản sau đó có được duy trì trở lại nhưng đã mất dần yếu tố cộng đồng và trở thành tục thờ cúng mang tính chất cá nhân hoặc gia đình.

Ở một số nơi, người dân có ý thức phục hồi lại các nghi lễ tế tự thành hoàng làng thông qua các ngày lễ hội nhằm khơi gợi lại ý thức cội nguồn như: Hội đình làng Minh Cầm (Đội Bình, Yên Sơn) mở ngày 04 tháng 01 Âm lịch; Hội đình Động Tiên (Yên Phú, Hàm Yên) tiến hành vào ngày 09 tháng 01 Âm lịch; Hội đình làng Khuôn Nhự (Kim Bình, Chiêm Hoá) mở hội vào ngày 03 tháng 01 Âm lịch hàng

năm. Tuy nhiên, về nội dung đã có nhiều biến đổi, phần nghi lễ truyền thống không được chú ý, phần hội cũng được bổ sung bằng các hoạt động vui chơi hiện đại. Điều này cũng dễ hiểu bởi các lễ hội này đã không còn gắn với nhu cầu tâm linh của người dân như là cội nguồn bản chất của nó trước đây nữa.

Bên cạnh đó xu hướng hiện đại hoá, toàn cầu hóa đã góp phần chuyển giao khoa học công nghệ và các phương tiện thông tin đại chúng đến tận các bản làng xa xôi miền núi. Người dân miền núi nói chung trong đó có người Tày được tiếp xúc với nhiều kênh thông tin: Đài báo, vô tuyến, sách... Về phương diện thông tin giải trí cũng được mở rộng với nhiều hình thức như băng nhạc, băng hình, phim ảnh. Ngoài ra, đường sá và phương tiện giao thông đi lại được mở rộng rất thuận tiện đáp ứng được nhu cầu đi lại, vui chơi giao lưu giữa các khu vực. Do vậy, các sinh hoạt văn hóa cộng đồng bản địa không còn là những hoạt động thu hút duy nhất đối với người dân. Yếu tố tâm linh trong các lễ hội đã nhạt phai, nhu cầu sinh hoạt văn hóa không còn là thiết yếu... Đó là những nguyên nhân cơ bản khiến cho người dân có phần thờ ơ hơn với việc tổ chức các sinh hoạt lễ hội cổ truyền.

2.2.2. Xu hướng phục hồi và phát triển các sinh hoạt nghi lễ trong gia đình

Nếu như các sinh hoạt nghi lễ mang tính cộng đồng đang có xu hướng mất dần thì các sinh hoạt nghi lễ trong nội bộ gia đình lại có xu hướng phục hồi và phát triển ở hầu khắp các địa phương người Tày ở Tuyên Quang. Điều này có thể lý giải bởi, trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang hàm chứa những phong tục tập quán đã trở thành văn hóa, thành nếp sống gắn bó lâu đời với đời sống tinh thần của người dân mà không dễ gì thay đổi được.

Hiện nay, đời sống văn hóa vật chất của người Tày có nhiều thay đổi thì các nghi lễ mừng thọ, nghi lễ trong đám tang hay nghi lễ thờ cúng trong những ngày lễ tết..., tuy có đan xen các yếu tố mới nhưng về cơ bản vẫn bảo lưu được những nét cổ truyền cả về nội dung và cách thức thực hiện. Trong lễ mừng thọ của người già không chỉ đơn giản là việc ăn uống, chúc tụng mà còn đầy ắp trong đó tình cảm ấm áp, trân trọng, biết ơn của con cháu dành cho ông bà, cha mẹ được thể hiện thông qua những thủ tục nghi lễ mang tính biểu trưng như là một tập quán truyền đời.

Chính vì vậy mà những người Tày cao tuổi rất lấy làm tự hào với số lần các con cháu tổ chức lễ mừng thọ cho họ. Còn đám tang của người Tày trước hết là sự thể hiện tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, quan niệm về cuộc sống sau cái chết đồng thời cũng là sự bày tỏ lòng hiếu nghĩa của con cháu đối với người đã khuất. Các ngày lễ tết như: Tết Nguyên Đán, tết Thanh minh 3/3 và tết 14/7 các gia đình Tày ở Tuyên Quang thường mổ lợn, gà, vịt, làm các món ăn ngon để cúng tổ tiên theo nghi lễ cổ truyền. Rõ ràng là so với các nghi thức hiện đại thì các nghi lễ trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày mang đậm đà hơn tinh thần và bản sắc dân tộc.

Với ý nghĩa như vậy mà ngày nay đại đa số người Tày, kể cả những người có học hành đỗ đạt cao hoặc giữ các chức vụ quan trọng ở các cấp chính quyền đều rất tôn trọng lễ nghi theo phong tục cổ truyền của dân tộc.

Sự phục hồi và phát triển các sinh hoạt nghi lễ thờ cúng tổ tiên trong gia đình của người Tày như hiện nay không chỉ xuất phát từ ý nghĩa nhân sinh của nó là giáo dục lòng hiếu thảo, lòng nhân ái, lòng biết ơn đối với tổ tiên mà còn xuất phát từ nhu cầu tâm linh của đồng bào Tày.

Ngày nay, tuy kinh tế và khoa học kỹ thuật đã phát triển nhưng thế giới mường âm vẫn luôn còn là sự bí ẩn ngự trị lâu dài lên đời sống tinh thần của người dân hiện đại, trong đó có người Tày. Chính vì vậy, mà cuộc sống với rất nhiều bất trắc như ốm đau, bệnh tật, tai nạn bất thường hoặc làm ăn không gặp dịp... vẫn luôn còn là nỗi lo sợ muôn thuở của người dân. Việc tổ chức các nghi lễ cúng bái của họ về cơ bản vẫn là nhằm thỏa mãn niềm tin và giải tỏa nỗi lo lắng mơ hồ về những bất ổn trong cuộc sống.

Chính sự gắn kết và tổng hòa mối quan hệ giữa yếu tố tâm linh và phong tục tập quán đã góp phần bảo lưu các nghi lễ cổ truyền của người Tày trước sự công phá của các yếu tố văn hóa hiện đại vào trong đời sống tinh thần của họ. Có thể nói các nghi lễ trong gia đình của người Tày là sự thể hiện sâu sắc niềm tin tín ngưỡng và các quan niệm về đạo đức, lối sống, tình cảm mang tính truyền thống của họ.

Như vậy, trước sự phát triển của kinh tế cùng những tiến bộ của khoa học kỹ thuật thì các nghi lễ mang tính cộng đồng như thờ thổ công, thờ thành hoàng làng ở

mỗi làng bản đang có xu hướng mất dần trong sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng của cư dân Tày ở tỉnh Tuyên Quang. Bên cạnh đó thì các sinh hoạt nghi lễ trong gia đình lại có xu hướng phục hồi và phát triển. Điều đó đã phản ánh những giá trị nhân sinh trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và phản ánh niềm tin tín ngưỡng của đồng bào Tày ở Tuyên Quang đối với thế giới tâm linh.

2.2.3. Xu hướng biến đổi các sinh hoạt nghi lễ trong gia đình

Ngày nay, sự giao lưu mạnh mẽ về văn hóa giữa các vùng miền, đặc biệt là giữa miền xuôi và miền ngược đã ít nhiều tác động làm thay đổi về cách thức tổ chức và thực hành nghi lễ trong thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang. Điều đó được thể hiện rõ nhất ở việc chuẩn bị đồ lễ cho một lễ cúng. Về cơ bản thì các đồ lễ của người Tày vẫn tuân thủ theo quy định cổ truyền. Tuy nhiên, do đời sống kinh tế phát triển nên lễ vật trong các nghi lễ cổ truyền cũng được bổ sung theo xu hướng hiện đại. Chẳng hạn, ngoài bánh dày là loại bánh bắt buộc phải có trong các lễ mừng thọ, trong tang ma, trong tết thanh minh mừng 3 tháng 3...ngày nay người ta có thể bổ sung thêm các loại bánh kẹo với mẫu mã hiện đại bày bán trên thị trường. Đáng kể nhất là sự thay đổi về đồ mã. Nếu như trước đây các đồ mã như: áo, mũ, giày dép, tiền vàng... hay nhà táng, hoa giấy trong các đám tang là do gia chủ hoặc thầy Tào tự làm lấy thì nay chủ yếu là đồ làm sẵn được mua ở chợ với mẫu mã đẹp, màu sắc rực rỡ.

Ngoài ra, còn có xu hướng tăng thêm số lượng đồ mã cho các nghi lễ. Ngoài áo, mũ, giày dép, tiền vàng ra thì các gia đình còn mua thêm các vật dụng khác để gửi cho tổ tiên như: Xe máy, điện thoại, tivi... và như vậy việc chi phí cho việc mua đồ mã của một lễ cúng tốn kém hơn rất nhiều so với trước đây. Tuy nhiên, xu hướng hiện đại hoá đồ lễ là một sự tất yếu, nó thể hiện đa dạng hoá trong sự giao lưu tiếp biến của văn hoá tín ngưỡng Tày thời hiện đại.

Do đời sống kinh tế của người Tày đã khác trước nên hiện nay nội dung cầu cúng trong khi thực hành nghi lễ cũng có những biến đổi nhất định. Nếu như trước đây nghề nghiệp chính của người Tày thuần nhất là nông nghiệp. Vì vậy những ước nguyện của họ thường gắn với cuộc sống bình dị của người tiểu nông như: mong

muốn tổ tiên che trở, phù hộ độ trì cho thóc gạo đầy sàn, trâu bò khỏe mạnh, gà vịt đầy sân, ông bà, cha mẹ sống lâu... Ngày nay họ đã làm nhiều nghề khác nhau để sinh sống nên nhu cầu cũng đa dạng và phong phú hơn trước như: người buôn bán mong mua rẻ, bán đắt, người làm cán bộ nhà nước thì mong được tăng lương, được thăng quan tiến chức, học sinh mong thi cử đỗ đạt...

Ngoài xu hướng hiện đại hóa đồ lễ và bổ sung thêm các nội dung cầu cúng thì hoạt động thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang hiện nay còn diễn ra xu hướng giản lược thủ tục trong các nghi lễ. Sự giản lược diễn ra cả trong nghi lễ mừng thọ và nghi lễ trong tang ma. Phần lớn người ta đã bỏ bớt những nội dung mang tính chất giải trí hoặc giao lưu mà chỉ giữ lại những nội dung chính của nghi lễ. Chẳng hạn, trước kia để thực hiện một nghi lễ tang ma thủ tục có nhiều bước phức tạp, hiện nay các thủ tục đã được giản lược bớt chỉ còn những bước cơ bản như: rửa mặt cho người chết, lễ khâm liệm, lễ thụ tang, lễ dâng cơm, lễ đưa ma. Nếu trước kia trong đám tang phải chuẩn bị cơm, rượu, thịt để người đến viếng ăn uống thì hiện nay việc ăn uống của người đến viếng đã được cắt bỏ thay vào đó chỉ uống chén nước, ly rượu chia buồn cùng với gia chủ...

Sự giản lược các thủ tục trong nghi lễ tang ma của người Tày ở Tuyên Quang có vai trò quan trọng từ sự chỉ đạo của Nhà nước về vấn đề này. Thực tế cho thấy, hệ thống văn bản pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng như các bộ, ngành đã đi vào đời sống. Hàng loạt các bộ luật ra đời, cùng với các chỉ thị, nghị quyết, quy định cụ thể, đã chỉ đạo sát sao các vấn đề xã hội. Trong đó có những chỉ thị ban hành riêng về lĩnh vực tang ma. Cụ thể là chỉ thị 27-CT/TW, ngày 12/1/1998 của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam (khóa VIII) về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, tang và lễ hội, Chỉ thị số 14- 1998/CT-TTg, của Thủ tướng chính phủ về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội; Thông tư số 04 – 1998/TT-BVHTT ngày 11-7-1998 của Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội.

Trên cơ sở của chỉ thị và hướng dẫn thi hành, các cấp chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị xã hội, đã tăng cường công tác vận động quần chúng làm cho người dân nhận thấy hạn chế của những đám ma dài ngày, chỉ ra những ảnh hưởng của vấn đề vệ sinh và kinh tế của mỗi gia đình tang chủ khi làm ma. Những vận động này mang tính chất định kỳ, thường xuyên và sâu rộng, từ Đảng ủy, Ủy ban nhân dân, ban Văn hóa xã, các tổ chức quần chúng: Hội Nông dân, hội Thanh niên, hội Phụ nữ, y tế thôn bản và đặc biệt là hội người cao tuổi. Vì vậy, thời lượng, nội dung nghi lễ và kinh phí tổ chức tang ma đã có những chuyển biến tích cực. Họ khuyến nghị đồng bào Tày tổ chức tang ma không quá 48 giờ và thực hiện nghi lễ càng ngắn càng tốt, có thể 24 giờ, 36 giờ. Tuy không kèm theo chế tài bắt buộc, nhưng thời lượng tổ chức tang ma lại được coi là tiêu chí bình chọn gia đình, xóm bản văn hóa hàng năm. Tiêu chí đó khiến cho các già làng, trưởng bản và bộ máy lãnh đạo thôn xóm phải tuyên truyền, vận động bà con thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan y tế, đi chôn trong vòng 24 giờ, chôn cất nơi xa nhà, xa nguồn nước. Mọi nghi thức tang lễ thực hiện gọn gàng, vệ sinh, văn minh, tiết kiệm. Đồng bào sử dụng dàn nhạc tang lễ riêng, hàng đêm thường múa siêu tâng trong âm thanh trống, thanh la, sáo, nhị nhưng giản tiện về nghi lễ và rút ngắn về thời lượng, không quá 23 giờ đêm và trước 5 giờ sáng. Các thôn bản của người Tày đã cố gắng thực hiện nghiêm túc, điều đó tạo nên sự chuyển biến tích cực trong tang ma.

Tóm lại, nhịp điệu khẩn trương của cuộc sống hiện đại đã tác động đến đời sống của đồng bào Tày nói chung và sinh hoạt tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của đồng bào Tày nói riêng. Những biến đổi nhất định trong sinh hoạt tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang hiện nay cho phù hợp với cuộc sống hiện đại và nhu cầu thực tế của người dân là một tất yếu. Để định hướng hoạt động thờ cúng tổ tiên, phát huy những mặt tích cực, đồng thời hạn chế những mặt tiêu cực thì cần có những phương hướng và giải pháp đồng bộ, khoa học và thực tiễn trong hoạt động thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang hiện nay.

2.3. Một số phương hướng và giải pháp cơ bản nhằm phát huy mặt tích cực, hạn chế tiêu cực trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang hiện nay

2.3.1. Phương hướng chung nhằm phát huy mặt tích cực, hạn chế tiêu cực trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang hiện nay

Từ thực trạng và xu hướng vận động của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên người Tày ở Tuyên Quang hiện nay, căn cứ vào yêu cầu cấp bách của sự nghiệp xây dựng nếp sống mới ở các thôn bản của dân tộc ít người, kết hợp với thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tín ngưỡng tôn giáo, để giữ gìn và phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, tác giả luận văn xin đưa ra một số phương hướng cơ bản sau:

Thứ nhất, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên là sự phản ánh nhu cầu tinh thần của người Tày đang tồn tại khách quan cần phải được tôn trọng.

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên là phù hợp với truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, “Đền ơn đáp nghĩa” và đã trở thành triết lý nhân sinh, là một trong những giá trị văn hóa truyền thống của người Tày. Vì vậy mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định và tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng của nhân dân, trong đó có tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Mọi hành vi từ mặc cảm, thành kiến đến cấm đoán, cưỡng ép, can thiệp thô bạo đến quyền tự do tín ngưỡng của công dân không chỉ đi ngược lại với quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta mà còn làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo điều kiện để cho các thế lực thù địch và kẻ xấu lợi dụng, chống phá. Vì thế, trong công cuộc xây dựng và phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đòi hỏi chúng ta phải có một cách nhìn thật khoa học về tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày thì mới có những ứng xử đúng đắn; cần tôn trọng, đánh giá đúng mức ý nghĩa, vai trò to lớn và cả ảnh hưởng của nó trong đời sống xã hội

Thứ hai, để phát huy những mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực, sai lệch trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên phải dựa trên cơ sở tăng cường sự lãnh đạo

của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước về công tác văn hóa, tư tưởng và công tác dân tộc.

Thờ cúng tổ tiên thuộc lĩnh vực tư tưởng, tinh thần, vì vậy không thể không có sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước là một trong những điều kiện có ý nghĩa quyết định dẫn đến thành công trong sự nghiệp đổi mới đất nước nói chung và nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên nói riêng. Trước thời cơ và thách thức mới, sự lãnh đạo của Đảng là đảm bảo định hướng khoa học cho hoạt động thờ cúng tổ tiên, giữ gìn và phát huy được những giá trị tích cực, vạch trần những hành vi của kẻ xấu lợi dụng vào mục đích vụ lợi, hoạt động mê tín dị đoan; tăng cường đoàn kết các dân tộc anh em, các vùng miền trong tỉnh Tuyên Quang nói riêng và trong phạm vi cả nước nói chung. Mọi hoạt động của tín ngưỡng, tôn giáo phải tuân theo Hiến pháp, pháp luật. Điều đó sẽ góp phần làm phong phú thêm bộ mặt văn hóa tinh thần của xã hội, vừa bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân vừa bảo đảm tính định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng.

Mặt khác, Các tổ chức chính quyền, ngành và đoàn thể có vai trò rất quan trọng trong việc giáo dục, vận động nhân dân phát huy những mặt tích cực của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên trong điều kiện mới.

Thứ ba, Phát huy mặt tích cực, truyền thống tốt đẹp của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên trên cơ sở kế thừa có chọn lọc và phát triển phù hợp với quan điểm của Đảng, đó là xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Tín ngưỡng và mê tín dị đoan thường song hành trong hoạt động thờ cúng tổ tiên của người Tày. Do vậy, bên cạnh việc chỉ ra, loại bỏ những mặt tiêu cực trong hoạt động thờ cúng tổ tiên thì cần làm sáng tỏ “hạt nhân hợp lý” để kế thừa, phát huy. Chính những hạt nhân hợp lý này là một trong những động lực to lớn cho sự phát triển mọi mặt trong đời sống của đồng bào Tày. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày được hình thành trong lịch sử phát triển lâu dài và gắn với đời sống hàng ngày của họ. Chính vì vậy nó đã trở thành một bộ phận không thể thiếu trong đời sống tinh thần của đồng bào Tày hiện nay. Với những triết lý như uống nước

nhớ nguồn, ăn quả nhớ người trồng cây, coi trọng đạo lý, coi trọng nghĩa tình... làm cho tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày có một sức sống mãnh liệt, vượt qua mọi thử thách gian nguy, khẳng định sự trường tồn của mình trong lịch sử dân tộc. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày còn góp phần giáo dục đạo đức, nhân cách, điều chỉnh hành vi của con người, bảo lưu và giữ gìn bản sắc văn hóa tộc người, phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam như tình yêu quê hương đất nước, tinh thần đoàn kết, trọng nghĩa tình đạo lý...

Trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày, bên cạnh những yếu tố tích cực cần phải phát huy thì những yếu tố tiêu cực vẫn đang tồn tại như những hủ tục rườm rà, những tập quán thói quen lạc hậu trong tang ma... Do đó, cần kiên trì giáo dục và vận động đồng bào Tày loại bỏ dần, đặc biệt là ở những người cao tuổi.

Thứ tư, phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang hiện nay cần phải gắn thờ cúng tổ tiên vào điều kiện lịch sử của từng cộng đồng, từng địa bàn, từng làng xã, huyện trong tỉnh và điều kiện chung của cả nước.

Tuyên Quang là một tỉnh miền núi phía Bắc có nhiều thành phần dân tộc thiểu số sống đan xen nên những người làm công tác dân tộc, tôn giáo cần phải thấy hết được những đặc điểm riêng của một tỉnh miền núi của Việt Bắc trong quá khứ cũng như trong hiện tại, cần thấy rõ những điều kiện khách quan và chủ quan liên quan đến đời sống tâm linh của con người ở đây. Mặt khác, cũng cần thấy truyền thống thờ cúng tổ tiên có nguồn gốc từ cuộc sống hiện thực, phản ánh và chịu sự quy định của chính thực tiễn cuộc sống hiện nay. Vì vậy, việc giữ gìn và phát huy truyền thống thờ cúng tổ tiên phải gắn liền với thực tiễn, với những sự vận động, biến đổi thường xuyên của đời sống kinh tế, chính trị - xã hội và văn hóa phù hợp với từng đối tượng như nông dân, công nhân, trí thức, cán bộ... Phải thường xuyên xem xét, biết lắng nghe ý kiến của nhân dân để rút ra những bài học trong quá trình sửa đổi, bổ sung. Đồng thời cũng làm sáng tỏ những hành động tích cực và tiêu cực, để từ đó kế thừa và phát huy mặt tốt, loại bỏ mặt tiêu cực như mê tín, lãng phí, phô trương, thủ tục rườm rà... không phù hợp với nhận thức khoa học và nhịp sống hiện đại.

Từ những phương hướng chung, luận văn đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên.

2.3.2. Một số giải pháp cơ bản nhằm phát huy mặt tích cực, hạn chế tiêu cực trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang hiện nay

Thứ nhất, chăm lo đời sống vật chất, nâng cao trình độ mọi mặt cho đồng bào dân tộc thiểu số ở Tuyên Quang, trong đó có người Tày

Con người với tư cách là một thực thể xã hội luôn theo đuổi những hoạt động có mục đích nhằm thỏa mãn những nhu cầu của mình. Nhu cầu ấy luôn luôn biến đổi, phát triển bởi con người không bao giờ tự bằng lòng, thỏa mãn với những gì họ đang có. Họ luôn vươn tới cuộc sống hạnh phúc. Sự tù túng, khó khăn trong đời sống vật chất và tinh thần là nguyên nhân nảy sinh nhu cầu được cứu giúp, che chở, phù hộ của tổ tiên. Cùng với nhận thức của đồng bào Tày còn hạn chế nên việc thực hiện thờ cúng tổ tiên đôi khi quá mức, thái quá dẫn đến những tư tưởng mù quáng, mang tính chất mê tín và mê tín dị đoan. Vì vậy, để giảm những ảnh hưởng tiêu cực của tín ngưỡng và tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên phải từng bước nâng cao đời sống vật chất cho người Tày. Nhu cầu trước nhất đó là đảm bảo các nhu cầu ăn, mặc, đi lại, chữa bệnh, giao thông... tạo công ăn việc làm, chính sách đầu tư về vốn và cách làm kinh tế cho đồng bào. Chú trọng công tác xóa đói giảm nghèo ở các vùng sâu, vùng xa trong tỉnh nơi có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

Những năm gần đây việc phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã được Đảng và Nhà nước quan tâm. Nhiều chính sách, chương trình đã được thực hiện nhằm tăng cường phát triển kinh tế ở các địa phương này như: Quyết định 134/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất nhà ở và nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn; Chương trình 135 giai đoạn II; Quyết định 32/QĐ-TTg về chính sách cho vay vốn và phát triển sản xuất...

Phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong tỉnh Tuyên Quang trước hết cần chú trọng đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp. Trong đó, cần xây dựng cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện khí hậu, điều

kiện thổ nhượng của từng vùng để phát huy thế mạnh kinh tế của mỗi địa bàn trong tỉnh. Tiếp tục đầu tư các công trình thủy lợi theo hướng đa mục tiêu, nâng cao năng lực tưới tiêu chủ động cho các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao, chú trọng công tác thủy lợi vùng đồi chủ động tưới cho cây công nghiệp. Tập trung phát triển kinh tế từ trồng rừng và những cây ăn quả chất lượng cao, nâng cao giá trị chế biến, kinh doanh, phát triển ngành công nghiệp.

Tuyên Quang có tiềm năng lớn để phát triển kinh tế từ trồng rừng với gần nửa triệu ha đất lâm nghiệp, chiếm 70% diện tích đất tự nhiên. Tỉnh cần tập trung đầu tư, hỗ trợ hơn nữa về vốn, giống cây trồng cho đồng bào dân tộc thiểu số ở các vùng như Na Hang, Lâm Bình... để mở rộng phạm vi trồng rừng, đảm bảo năng suất và chất lượng gỗ. Hiện nay, phát triển kinh tế từ việc trồng rừng và đã đem lại hiệu quả cao, Tuyên Quang trở thành một trong những tỉnh có độ che phủ rừng cao nhất nước với 64,9%. Nhờ vậy, đến nay, tỉnh Tuyên Quang đã thu hút những nhà đầu tư lớn với dây chuyền công nghiệp hiện đại như nhà máy giấy và bột giấy An Hòa, công suất 130 nghìn tấn/năm, với tổng vốn đầu tư giai đoạn 1 là 3.200 tỷ đồng. Nhà máy sản xuất đũa xuất khẩu, công suất 15 triệu đôi/năm và 52 nhà máy, cơ sở chế biến với các sản phẩm chủ lực có khả năng tiêu thụ trên thị trường trong nước và thế giới như giấy và bột giấy, gỗ sơ chế, đồ mộc cao cấp, dụng cụ thể thao, bao bì công nghiệp... Ngoài thế mạnh về trồng rừng thì Tuyên Quang còn một số thế mạnh khác như cây chè, đặc sản cam sành Hàm Yên...

Xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng, đầu tư trực tiếp cho hộ dân tập trung giải quyết những vấn đề như xóa nhà tạm, giải quyết nước sinh hoạt, khai hoang phục hóa, tặng quỹ đất để sản xuất giúp đồng bào Tày sản xuất lương thực đủ ăn, ổn định cuộc sống, định canh định cư.

Xây dựng kết cấu hạ tầng cũng cần chú trọng các vấn đề như: giao thông, nước sạch, điện thấp sáng. Cần phát triển đồng bộ hệ thống giao thông của Tuyên Quang đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Giao thông là một yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh. Mặc dù trong thời gian vừa qua, tỉnh Tuyên Quang cũng đã quan tâm xây dựng các trục đường giao

thông chính về các huyện vùng sâu, vùng xa như Lâm Bình, Na Hang, Chiêm Hoá... và mở rộng đường về các xã trong tỉnh, tuy nhiên đường về các thôn bản đi lại vẫn gặp nhiều khó khăn. Ví như, ở xã Khâu Tinh, Côn Lôn, Sinh Long (huyện Lâm Bình), đường đi về thôn Nà Cọn và một số thôn khác của xã Sơn Phú (huyện Na Hang)... vẫn là đường đất, đèo dốc cao đi lại khó khăn, hiểm trở. Vì vậy, cần xây dựng đường giao thông đến tận thôn bản để người dân thuận tiện trong việc đi lại, trao đổi hàng hóa và được hưởng đầy đủ các dịch vụ y tế, giáo dục. Thực hiện tốt điều này góp phần khắc phục những tiêu cực còn tồn tại trong tín ngưỡng của đồng bào Tày. Đó là sự sùng bái tín ngưỡng và dẫn đến mê tín dị đoan, tin tưởng vào chữa bệnh bằng cúng bái. Hiện tượng còn tồn tại ở một số làng bản vùng sâu, vùng xa là khi bị ốm, bệnh tật người ta không đi tới cơ sở y tế khám chữa bệnh mà chông chờ vào khả năng chữa bệnh của thầy cúng. Ngoài nguyên nhân trình độ dân trí thấp, tư tưởng bảo thủ, lạc hậu thì còn có nguyên nhân về điều kiện giao thông đi lại khó khăn, người dân không có điều kiện tiếp xúc với các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe...

Cùng với việc chăm lo, nâng cao đời sống vật chất, còn phải không ngừng nâng cao đời sống tinh thần, nâng cao trình độ mọi mặt cho đồng bào dân tộc thiểu số. Như Đảng ta đã xác định: “Tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hóa, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường” [24, tr 89]. Đặc biệt, cần phải nâng cao trình độ hiểu biết của các tầng lớp nhân dân về chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về tín ngưỡng, tôn giáo nói chung và tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên nói riêng. Nâng cao nhận thức về đường lối nhất quán của Đảng và Nhà nước ta về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

Nền tảng tinh thần của xã hội là văn hóa. Văn hóa vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển của kinh tế - xã hội. Chăm lo đời sống tinh thần của người dân trên cơ sở giữ gìn và phát triển những giá trị tinh thần truyền thống, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa của các cộng đồng dân tộc khác, của nhân loại. Để thực hiện hóa chủ trương của Đảng ta về “xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên

tiên, đậm đà bản sắc dân tộc”, nhân dân tỉnh Tuyên Quang nói chung và đồng bào Tày ở Tuyên Quang nói riêng đang hưởng ứng cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống mới” do nhà nước phát động. Nâng cao đời sống văn hóa tinh thần đòi hỏi phải không ngừng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân lao động, đảm bảo sự công bằng của xã hội... khắc phục sự suy thoái về đạo đức, lối sống ở một số bộ phận nhân dân nói chung, khôi phục những giá trị tốt đẹp của gia đình, họ tộc.

Với đặc điểm cư trú chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa nên đồng bào Tày ở một số thôn của Tuyên Quang vẫn chưa có điện lưới quốc gia. Ví như, thôn Phia Trang, thôn Nà Lạ thuộc xã Sơn Phú (huyện Na Hang), thôn Con Tú thuộc xã Tiến Bộ (huyện Yên Sơn)... do đó, cần phủ điện lưới tới các khu vực này để cho người Tày có cơ hội tiếp xúc với nhiều kênh thông tin văn hóa, xã hội, giáo dục, hiểu chính sách và đường lối của Đảng và Nhà nước. Từ đó góp phần giúp nâng cao trình độ dân trí, nhận thức cho đồng bào. Ngoài ra, cần thực hiện tốt công tác xóa mù chữ, tăng tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi, trong thời gian tới cần tiếp tục đẩy mạnh việc mở các lớp xóa mù chữ, chống tái mù, tập trung huy động trẻ em trong độ tuổi được theo học các chương trình phổ cập, nâng cao nhận thức cho mọi người về học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập. Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên ở các huyện vùng sâu vùng xa trong tỉnh.

Tóm lại, khi đời sống vật chất và đời sống tinh thần của người Tày được nâng cao thì họ sẽ có trình độ nhận thức đúng đắn nói chung về tự nhiên, xã hội, tư duy con người, từ đó sẽ có một thế giới quan khoa học về tín ngưỡng nói chung và tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên nói riêng. Trên cơ sở ấy, họ sẽ điều chỉnh thái độ và các hoạt động của mình, trong đó có hoạt động tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên theo chiều hướng tích cực.

Thứ hai, xây dựng môi trường văn hóa, xã hội lành mạnh cho người Tày.

Môi trường xã hội chính là nơi mà con người sinh sống và hoạt động, do đó nó có vai trò hết sức quan trọng và ảnh hưởng tới tư tưởng, tình cảm, nếp sống, các hoạt động xã hội của con người. Vì vậy, xây dựng môi trường văn hóa – xã hội lành

manh là điều kiện tiên quyết không thể thiếu được để góp phần phát huy những giá trị tích cực và hạn chế những mặt tiêu cực trong hoạt động thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang hiện nay.

Môi trường văn hóa – xã hội đầu tiên phải kể đến là môi trường gia đình. Gia đình là cái nôi con người được sinh ra và nuôi dưỡng, là môi trường quan trọng hình thành nhân cách, giáo dục nếp sống, đạo lý cho mỗi người. Vì vậy, giáo dục gia đình bao giờ cũng đi trước và tồn tại song song với giáo dục của nhà trường và xã hội. Sự giáo dục đó phải nhằm nâng cao ý thức tinh thần đoàn kết giữa cá nhân – gia đình – làng xóm – dân tộc – tổ quốc; giáo dục lòng khoan dung, trọng tình nghĩa, đạo lý uống nước nhớ nguồn, đền ơn đáp nghĩa. Để tạo ra môi trường sống lành mạnh ở gia đình trước hết, chúng ta phải chú ý giải quyết từng bước các điều kiện tồn tại của gia đình như việc làm, nhà ở... Đồng thời xây dựng các quan hệ ứng xử thích hợp với lứa tuổi, vị trí, vai trò trách nhiệm của mỗi thành viên trong gia đình. Kính trọng ông bà cha mẹ, yêu thương con cháu, anh em đùm bọc, vợ chồng thuận hòa là những tình cảm tốt đẹp trong gia đình Việt Nam truyền thống nói chung và gia đình người Tày nói riêng cần giữ gìn, củng cố, phát huy mạnh mẽ trong giai đoạn hiện nay. Có như thế, mỗi gia đình mới có đủ sự sáng suốt và năng lực để tiếp tục chuyển tiếp các giá trị tốt đẹp trong gia đình, trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên cho thế hệ mai sau.

Muốn xây dựng môi trường văn hóa - xã hội lành mạnh, mỗi cá nhân và gia đình đều phải thực hiện và thể hiện được lối sống văn hóa lành mạnh. Không vướng vào tệ nạn xã hội như cờ bạc, nghiện hút, mê tín dị đoan, không có hành vi mất lịch sự, thiếu văn hóa nơi công cộng... Xây dựng đời văn hóa ở cơ sở còn là thực hiện nếp sống văn minh theo Chỉ thị 27/CT/TW của Bộ chính trị về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang lễ, lễ hội. Theo đó, các địa phương nên cải tiến việc tổ chức lễ thức cúng giỗ, tang ma, lễ hội cho phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện kinh tế của từng gia đình, địa phương và theo tinh thần tiết kiệm, lành mạnh, trang trọng, thành kính. Không nên cầu kỳ, phô trương, lãng phí, tránh khôi phục lại hủ tục trong cúng giỗ, ma chay, lễ hội.

Ngoài gia đình ra thì dòng họ cũng là một môi trường văn hóa – xã hội quan trọng trong sự trưởng thành của một con người. Dòng họ không đơn giản chỉ là một cộng đồng xã hội mang tính huyết thống, mà còn có thể coi đó là một tổ chức xã hội của quần chúng, bao gồm nhiều thành viên với sự khác nhau về lứa tuổi, thành phần, hoàn cảnh, nghề nghiệp... Thông qua hoạt động thờ cúng tổ tiên coi trọng vai trò dòng họ để giáo dục hoàn thiện nhân cách con người, tránh những biểu hiện tiêu cực như: Chủ nghĩa gia đình, sự phân chia bè phái...

Xây dựng môi trường văn hoá – xã hội lành mạnh, cần phải xây dựng nếp sống văn minh trong cộng đồng làng xã. Thông qua các hoạt động thờ thần thành hoàng, thờ thổ công, thờ tổ nghề và lễ hội... để rút ngắn dần khoảng cách giữa các giai cấp, tầng lớp, giữa thành thị với nông thôn, đồng thời, tạo nên sự giao thoa giữa các luồng mạch văn hóa ở các địa phương trong tỉnh. Thực hiện tốt các phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “uống nước nhớ nguồn”, “đền ơn đáp nghĩa”, “xóa đói giảm nghèo”, “ông bà mẫu mực, con cháu thảo hiền”... để gìn giữ, phát huy truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc và thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, tạo ra một cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân nói chung và đồng bào Tày ở Tuyên Quang nói riêng.

Thứ ba, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục cho người Tày.

Công tác tuyên truyền, giáo dục trong cộng đồng rất quan trọng, bởi qua đó giúp đồng bào hiểu được chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước luôn coi trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo của các dân tộc. Đồng thời sẽ giúp cho đồng bào tự tin tiến hành và duy trì các sinh hoạt tín ngưỡng của dân tộc mình, tránh sự mai một của tín ngưỡng truyền thống. Tuyên truyền giáo dục nhằm làm cho quần chúng nhân dân nói chung và người Tày ở Tuyên Quang nói riêng nhận thức được tính hai mặt trong tín ngưỡng. Bản thân tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên là sản phẩm của con người, của đời sống xã hội. Nó tiêu cực hay tích cực không phải ở chính bản thân nó mà là ở chỗ con người sử dụng và đối xử với nó như thế nào.

Vì vậy, trong hoạt động thờ cúng tổ tiên cần loại bỏ những yếu tố tiêu cực như tính chất mê tín dị đoan, niềm tin thái quá, cũng như sự lợi dụng tín ngưỡng để

để phục vụ cho những mục đích vụ lợi cho cá nhân hay một thế lực nào đó. Bởi có nhiều nơi do trình độ nhận thức của cán bộ còn hạn chế nên đã có những hoạt động không đúng, thậm chí đi ngược lại với chính sách của Đảng và Nhà nước về việc tôn trọng tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân. Do đó, cần phải tuyên truyền, giáo dục để mọi người thấy được vai trò xã hội và bản chất của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Rằng tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên không chỉ là việc “đạo” mà còn là một phần của việc “đời”, gắn liền với đời sống tâm linh của đồng bào không được phủ nhận hay coi thường một cách tùy tiện. Đồng thời, tuyên truyền để người dân lược bớt những nghi lễ rườm rà, lạc hậu, tốn kém trong khi thực hành nghi lễ nhưng không làm mất đi những giá trị truyền thống. Vì tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên là một yếu tố của ý thức xã hội, nên nó thường biến đổi chậm hơn so với tồn tại xã hội đã sinh ra nó. Chính vì vậy những yếu tố lạc hậu đó có thể ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của xã hội.

Bên cạnh đó, cần tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trang bị những kiến thức chăm sóc sức khỏe cơ bản nhất cho người dân. Làm cho họ hiểu chỉ nên coi việc chữa bệnh bằng phương thức cúng bái là một liệu pháp tinh thần, là nhu cầu giải tỏa tâm lý và chỉ mang tính trợ giúp chứ không phải là cách duy nhất để cứu chữa. Hướng dẫn cho họ tìm đến các dịch vụ y tế của địa phương khi đau ốm, không nên quá trông chờ vào sự che chở, cứu giúp của tổ tiên mà mời thầy về cúng cho tốn kém kinh tế. Muốn thực hiện được công tác này cần có sự chung tay giúp sức của các cơ quan ban ngành địa phương cũng như từ phía ngành giáo dục và từ ngành y tế. Cần có đội ngũ tuyên truyền viên là bác sĩ, giáo viên, cán bộ thôn, xã đóng vai trò là những người tuyên truyền viên tới những người dân trong thôn bản.

Muốn tuyên truyền, giáo dục có hiệu quả cần phải tăng cường hơn nữa chất lượng công tác cán bộ văn hóa các cấp. Người làm công tác văn hoá là người định hướng dư luận khen chê. Đảng, Nhà nước đã có những chính sách bồi dưỡng nghiệp vụ, ưu đãi đối với người làm công tác văn hóa ở cơ sở, đặc biệt là cán bộ dân tộc thiểu số.

Cán bộ văn hoá phải giúp người có tín ngưỡng phân biệt được đâu là tín ngưỡng truyền thống, đâu là những biến thái, biến tướng của nó; phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo với mê tín dị đoan. Đặc biệt, phải có những hình thức tuyên truyền, giáo dục cho đồng bào Tày thấy được mặt tích cực của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên vào thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, củng cố và giữ vững chính trị, an ninh, trật tự và an toàn xã hội. Sử dụng chính mặt tốt của tín ngưỡng này vào việc loại bỏ, khắc phục mặt tiêu cực của nó cũng là một biện pháp tối ưu và đỡ tốn kém nhất. Cán bộ làm công tác tín ngưỡng phải biết phát hiện kịp thời những biểu hiện tiêu cực trong hoạt động thờ cúng tổ tiên của đồng bào Tày để có biện pháp hướng chúng đi theo chiều tích cực, hoặc triệt tiêu ngay khi còn trong trứng nước. Cố gắng không để những biểu hiện đó để lại hậu quả rồi mới tìm cách xử lý. Muốn làm tốt công tác này, cán bộ làm công tác văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo phải đi sâu, đi sát thực tiễn, gần gũi với đồng bào, đặc biệt đồng bào Tày ở vùng sâu vùng xa. Hiểu được tâm tư, tình cảm của đồng bào Tày và tình hình thực tiễn địa phương để áp dụng chủ trương, chính sách cho phù hợp.

Thứ tư, phát huy vai trò chủ động, tích cực của người Tày trong giữ gìn và phát huy giá trị văn hoá truyền thống

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên mang trong mình ý nghĩa sâu sắc về đạo hiếu, đậm đà tính nhân văn, đó cũng là nét đặc trưng trong văn hoá truyền thống của người Tày. Hiện nay, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên là nhu cầu không thể thiếu của con người, là niềm tin thiêng liêng của cuộc sống con người gửi gắm vào trong đó. Do đó, trước thay đổi của cuộc sống hiện đại việc giữ gìn và phát huy những giá trị tốt đẹp trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày nói chung, người Tày ở Tuyên Quang nói riêng không chỉ là trách nhiệm của các cơ quan ban ngành, của xã hội mà đó còn là trọng trách của chủ thể thực hành tín ngưỡng.

Bản thân các thầy Tào, Then, Pụt là những người có ảnh hưởng về mặt tâm linh đối với đồng bào Tày, họ có cùng nguồn gốc dân tộc, cùng tiếng nói nên họ hiểu và có thể phát huy được vai trò trong cuộc vận động giữ gìn, phát huy những giá trị tốt đẹp của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang hiện

nay. Để làm tốt nhiệm vụ đó, đòi hỏi các thầy cần trau dồi hơn nữa vốn kiến thức về tín ngưỡng, về bảo tồn giá trị văn hoá truyền thống dân tộc, chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo... Đồng thời mỗi thầy phải không ngừng rèn luyện bản thân, có tài năng – tâm huyết để đem lại bình an trong tâm linh của người Tày. Các thầy cần hiểu tầm quan trọng của các nghi lễ thờ cúng tổ tiên, loại bỏ những yếu tố mê tín dị đoan phản khoa học, giữ gìn giá trị tốt đẹp của tín ngưỡng truyền thống. Không ham lợi, làm mù mịt gây ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống đồng bào Tày.

Bên cạnh đó, mỗi người dân Tày cần phát huy vai trò khác nhau trong giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc mình. Đặc biệt những người có tuổi trong thôn bản, có uy tín và tâm huyết cần tích cực tham gia khôi phục, giữ gìn và phát huy những nét đẹp trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Thông qua các lễ hội truyền thống, sinh hoạt văn hoá cộng đồng, các nghi lễ thờ cúng... để nhắc nhở, định hướng đúng đắn, điều chỉnh thái độ của thế hệ trẻ với văn hoá tâm linh; truyền nhiệt huyết và khơi dậy lòng tự hào về văn hoá của tổ tiên, làm cho con cháu thấy được giá trị của văn hoá tổ tiên để lại;

Ngoài ra, còn bộ phận nhỏ những người trí thức Tày đang học tập, công tác trong các cơ quan nhà nước có vốn hiểu biết về tín ngưỡng, về văn hoá dân tộc, cần tích cực tuyên truyền cho đồng bào mình biết trân trọng các giá trị văn hoá truyền thống, chấp nhận gạt bỏ những hủ tục lạc hậu không còn phù hợp trong xã hội hiện đại. Đồng thời mạnh dạn tham mưu, đề xuất các giải pháp giữ gìn và phát huy mặt tích cực, hạn chế tiêu cực của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của dân tộc mình với các cơ quan chức năng.

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên được duy trì, phát triển thông qua sự kế thừa của các thế hệ người tiếp nối. Vì vậy, trách nhiệm của thế hệ trẻ trong giữ gìn và phát huy các giá trị của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên là rất lớn. Thế hệ trẻ người Tày cần nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của mình với văn hoá truyền thống; tìm hiểu và tích cực tham gia các hoạt động văn hoá; nâng cao dân trí, biết khai thác những giá trị văn hoá truyền thống tích cực để làm phong phú thêm đời sống tinh thần của mình.

Để hoạt động thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang phát huy được mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực cần có nhiều giải pháp khác nhau, song có thể xem những giải pháp nêu trên là những giải pháp cơ bản và cần được thực hiện đồng bộ để hoạt động thờ cúng tổ tiên vận động theo chiều hướng tiến bộ.

Kết luận chương 2: Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên có vai trò rất quan trọng trong đời sống tinh thần người Tày ở Tuyên Quang, giúp bù đắp những bất trắc, rủi ro trong cuộc sống; góp phần giáo dục đạo đức, nhân cách, điều chỉnh hành vi cá nhân của mỗi con người; củng cố ý thức đoàn kết trong gia đình và cố kết cộng đồng làng bản; đồng thời nó chuyển tải nhiều giá trị văn hóa, góp phần bảo lưu và gìn giữ bản sắc văn hóa tộc người. Tuy nhiên, ngày nay dưới sự tác động của cuộc sống hiện đại, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang có những biến đổi nhất định. Bên cạnh việc mất dần các nghi lễ mang tính cộng đồng thì việc phục hồi và phát triển các nghi lễ trong gia đình diễn ra mạnh mẽ. Ngay trong nghi lễ gia đình của người Tày, cách tổ chức và thực hành nghi lễ cũng có những biến đổi nhất định. Vì vậy, để phát huy mặt tích cực, hạn chế tiêu cực, định hướng đúng đắn hoạt động thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang thì cần phải có những giải pháp khoa học, đồng bộ, trên quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về công tác tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc. Không ngừng chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, nâng cao trình độ nhận thức cho đồng bào dân tộc thiểu số nói chung và đồng bào Tày nói riêng; xây dựng môi trường văn hóa – xã hội lành mạnh; kết hợp tuyên truyền, giáo dục với tăng cường các biện pháp tổ chức và quản lý hành chính; phát huy vai trò chủ động, tích cực của người Tày trong giữ gìn và phát huy giá trị văn hoá truyền thống là các giải pháp lâu dài, cơ bản đòi hỏi sự nỗ lực của các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương và chủ thể thực hành tín ngưỡng.

KẾT LUẬN

Thờ cúng tổ tiên là một hình thức tín ngưỡng dân gian tồn tại khá phổ biến ở nhiều dân tộc trên thế giới trong đó có Việt Nam. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày nói chung và người Tày ở Tuyên Quang nói riêng được hình thành từ xa xưa, trải qua nhiều thăng trầm của tộc người chịu sự ảnh hưởng, tồn tại đan xen với các hình thái tín ngưỡng, tôn giáo khác. Nhưng tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang lại mang đậm dấu ấn của cư dân thung lũng, do môi trường sống, không gian sinh tồn của người Tày Tuyên Quang chủ yếu là các vùng thung lũng với đặc trưng là nền kinh tế nông nghiệp.

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang phản ánh những khía cạnh của cuộc sống, giúp chúng ta nhận diện rõ hơn về quan niệm vũ trụ, nhân sinh quan, thế giới quan, ý nguyện tâm linh và các quy tắc ứng xử gia đình, cộng đồng tộc người. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên cũng phản ánh sâu sắc đạo hiếu, đạo nghĩa của người sống dành cho người chết, người sống với người sống, chi phối đời sống xã hội Tày một cách sâu sắc, bền bỉ, thậm chí trở thành những ràng buộc xã hội, tạo nên sức cổ kết cộng đồng mạnh mẽ. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên không chỉ chi phối đời sống tâm linh của người dân mà còn để lại dấu ấn sâu đậm trong đời sống văn hóa nghệ thuật của người Tày. Trước tiên phải kể tới vai trò quan trọng của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên đối với đời sống tinh thần của người dân. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên đã đáp ứng được nhu cầu tâm linh của người dân, giúp họ giải tỏa tâm lý, mang lại sự bình ổn về tinh thần cho họ. Trong cuộc sống ngày nay thì vai trò của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên đối với người Tày ở Tuyên Quang vẫn không thay đổi nên nó vẫn được bảo lưu và gìn giữ.

Thờ cúng tổ tiên còn khơi dậy lòng hiếu thảo với cha mẹ, hòa thuận với anh em, có trách nhiệm với cộng đồng huyết tộc, cộng đồng làng xóm và xã hội. Tưởng nhớ đến tổ tiên không chỉ là hoài niệm với quá khứ, mà chủ yếu là noi gương cha ông để sống đẹp đẽ sao cho không hổ thẹn với tổ tiên, điều đó góp phần vào giáo dục đạo đức, nhân cách, điều chỉnh hành vi cá nhân của con người.

Sinh hoạt tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang còn là nơi lưu giữ các giá trị văn hóa nghệ thuật cổ truyền của dân tộc như các bài cúng; các hình thức diễn xướng thông qua âm nhạc, múa; các hình thức trang trí; các hình thức ứng xử và nghi lễ của con người trước thần linh... Điều đó góp phần bảo lưu và gìn giữ bản sắc văn hóa tộc người. Ngoài ra, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên còn có tác dụng củng cố sự cố kết cộng đồng, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Nếu thờ cúng tổ tiên trong gia đình, dòng họ đã củng cố mối quan hệ ruột thịt thì việc thờ tổ làng, tổ nước đã tạo thành một sợi dây liên kết linh thiêng giữa các thành viên trong làng bản và trong vùng từ thế hệ này sang thế hệ khác, góp phần nâng cao ý thức tộc người trong cộng đồng.

Trong giai đoạn hiện nay, với những thành tựu của công cuộc đổi mới, đất nước đang có những biến đổi hết sức to lớn và sâu sắc trên tất cả các lĩnh vực thì hoạt động thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang vẫn tiếp tục được duy trì, phát triển và có những biểu hiện khá phức tạp. Đó là sự mất dần đi các nghi lễ mang tính cộng đồng, xu hướng gia tăng các sinh hoạt nghi lễ trong gia đình. Ngoài ra, ngày nay trình độ dân trí của người dân đã cao hơn trước nên đa số người dân có sự hiểu biết nhất định và không còn niềm tin một cách tuyệt đối vào vai trò của thần linh, của tổ tiên.... Có thể thấy nhận thức và niềm tin tín ngưỡng của người dân đã thay đổi so với trước đây. Bên cạnh đó một bộ phận nhỏ đồng bào Tày ở vùng sâu, vùng xa vẫn còn tồn tại những tư tưởng lạc hậu, mê tín dị đoan, sùng tín như: ở một số nơi vẫn duy trì những kiêng kỵ khắt khe khi thực hành các nghi lễ tín ngưỡng với các thủ tục rườm rà, tốn kém, gây lãng phí; còn trông chờ vào việc chữa bệnh bằng cúng bái ...

Trước tình hình đó rất cần có những giải pháp đồng bộ từ các cấp chính quyền địa phương, tuyên truyền, vận động, chăm lo, nâng cao ý thức tự giác của quần chúng nhân dân nhằm loại bỏ những yếu tố tiêu cực, lạc hậu, mê tín dị đoan và bảo tồn phát huy những giá trị tích cực trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang hiện nay./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.

1. Đào Duy Anh (2002), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb văn hóa thông tin, Hà Nội.
2. Ngọc Anh (2002), *Các hình thức thờ cúng của bộ lạc*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
3. Toan Ánh (1992), *Tìm hiểu phong tục Việt Nam nếp cũ- tết lễ- hội hè*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
4. Toan Ánh (1991), *Nếp cũ tín ngưỡng Việt Nam*, quyển thượng, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Toan Ánh (1996), *Phong tục thờ cúng trong gia đình Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
6. Ban tôn giáo chính phủ (2006), *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Hà Nội.
7. Ban dân tộc Tuyên Quang (1975), *Ba mươi năm các dân tộc thiểu số Tuyên Quang – Tuyên Quang*.
8. Phan Kế Bính (1995), *Việt Nam phong tục*, Nxb Hà Nội.
9. *Các Mác và Ph.Ăngghen toàn tập* (1995), tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội.
10. *Các Mác và Ph.Ăngghen toàn tập* (1995), tập 20, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội.
11. Nguyễn Từ Chi (2001), *Góp phần nghiên cứu văn hóa tộc người*, Nxb văn hóa dân tộc, Hà Nội.
12. Nguyễn Chính (1998), *Đảng Viên với tín ngưỡng tôn giáo*, Tạp chí cộng sản số 6.
13. Cục thống kê Tuyên Quang (2000), *Niên giám thống kê tỉnh Tuyên Quang*..
14. Lê Dân (1994), *Văn hóa gia đình Việt Nam trong phát triển xã hội*, Nxb Lao động.
15. Phan Đại Doãn (1998), *Một số vấn đề Nho giáo Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
16. Nguyễn Đăng Duy (1999), *Phật giáo với văn hóa Việt Nam*, Nxb Hà Nội.
17. Nguyễn Đăng Duy (2001), *Các hình thức tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.

18. Nguyễn Đăng Duy (2005), *Nhận diện văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
19. Ma Ngọc Dung (2004), *Nhà sàn truyền thống của người Tày ở Đông bắc Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
20. Nguyễn Hồng Dương (2009), *Tín ngưỡng tôn giáo và xã hội dân gian*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
21. Trần Đức Dương (2010), *Phát huy những giá trị tích cực của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên trong giai đoạn hiện nay*, Tạp chí nghiên cứu tôn giáo, số 2.
22. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 51, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
24. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
26. Bé Viêt Đăng (1996), *Các dân tộc thiểu số trong sự phát triển kinh tế xã hội ở miền núi*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
27. Lê Văn Đính (2008), *Giáo dục ý thức pháp luật - cơ sở quan trọng đảm bảo cho các sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo phù hợp với lợi ích dân tộc*, Tạp chí nghiên cứu tôn giáo, số 4.
28. Nịnh Văn Độ (2003), *Văn hoá truyền thống các dân tộc Tày, Dao, Sán diu ở Tuyên Quang*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
29. Lê Quý Đôn (1962), *Kiến Văn tiểu lục*, Nxb sử học, Hà Nội.
30. Mai Thanh Hải (2002), *Từ điển tôn giáo*, Nxb từ điển bách khoa, Hà Nội.
31. Nguyễn Duy Hình (1996), *Tín ngưỡng thành hoàng làng Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
32. Lê Như Hoa (2000), *Tín ngưỡng dân gian Việt Nam*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.

33. Lê Thị Thúy Hoàn (2010), *Nhà sàn truyền thống của cư dân Tày ở Chiêm Hóa (Tuyên Quang)*, LATS Văn hóa học, Hà Nội.
34. Lê Thị Thanh Hiền, Nguyễn Văn Đức (2010), *Các kỳ đại hội Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
35. Giang Văn Huỳnh, Nguyễn Hữu Cát (Chủ biên, 2009), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang : Giai đoạn 1976 - 2005*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
36. Vũ Ngọc Khánh chủ biên (1997), *Văn hóa tín ngưỡng Tày, Nùng*, Viện nghiên cứu văn hóa dân gian.
37. Vũ Ngọc Khánh (2001), *Tín ngưỡng dân gian Việt Nam*, Nxb văn hóa dân tộc.
38. Vũ Ngọc Khánh (2004), *Truyền thống văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
39. Nguyễn Thụy Loan (1997), *Tín ngưỡng, tôn giáo và ca nhạc cổ truyền Việt Nam*, Tạp chí văn hóa nghệ thuật số 3.
40. Nguyễn Huy Linh (1996), *Tín ngưỡng thành hoàng làng Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
41. Lã Văn Lô, Hà Văn Thư (1984), *Văn hóa Tày - Nùng*, Nxb Văn hóa.
42. Lã Văn Lô, Đặng Nghiêm Vạn (1968), *Sơ lược giới thiệu các nhóm dân tộc Tày Nùng – Thái ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
43. Nguyễn Đức Lữ (2000), *Góp phần tìm hiểu tín ngưỡng dân gian Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
44. Hoàng Nam (1973), *Bước đầu tìm hiểu về mối quan hệ giữa người Tày và người Nùng*, thông báo dân tộc học.
45. Hoàng Nam (1981), *Quần áo cổ truyền các dân tộc Tày, Nùng là di sản văn hóa quý báu, một số vấn đề về lịch sử - văn hóa các dân tộc Việt Bắc*.
46. Hoàng Nam (1981), *Góp thêm tư liệu về nguồn gốc các dân tộc Tày, Nùng ở Việt Bắc*, một số vấn đề về lịch sử - văn hóa các dân tộc Việt Bắc.
47. Hoàng Nam (1990), *Vài suy nghĩ về truyền thống kinh tế miền núi*, tạp chí Khoa học, trường Đại học tổng hợp, Hà Nội.

48. Hoàng Thiện Phan (1957), *Quảng Tây choang học giản sử*, Quảng Tây xuất bản xã, Nam Ninh.
49. Trần Đăng Sinh (2002), *Những khía cạnh triết học trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt ở đồng bằng bắc bộ hiện nay*. Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
50. Lê Ngọc Thắng, Lâm Bá Nam (1990), *Bản sắc các dân tộc Việt Nam*, Hà Nội.
51. Từ Tùng Thạch (1941), *Việt Nam lưu vực nhân dân sử*, Trung Hoa thư cục ấn hành, Bắc Kinh.
52. Hà Đình Thành (2010), *Văn hóa dân gian Tày, Nùng ở Việt Nam*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
53. Hà Đình Thành, Ngô Đức Thịnh, Nguyễn Thị Yên (2003), *Văn hóa dân gian Tày – Nùng ở Việt Nam*, Viện nghiên cứu văn hóa dân gian, Hà Nội.
54. Ngô Đức Thịnh (2001), *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb khoa học xã hội.
55. Trịnh Thị Thúy (2004): “Giữ gìn và phát huy thờ cúng, tổ tiên của người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ trong giai đoạn hiện nay”, Luận văn thạc sĩ khoa học tôn giáo, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
56. Tỉnh ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân tỉnh Tuyên Quang (2012), *Địa chí Tuyên Quang*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
57. Tổng cục thống kê (2010), *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009: Kết quả toàn bộ* - Nxb Thống kê Hà Nội.
58. Trung tâm từ điển học (2001), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
59. Đặng Nghiêm Vạn (1993), *Mối quan hệ giữa các tộc người trong một quốc gia dân tộc*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
60. Đặng Nghiêm Vạn (1996), *Về tôn giáo tín ngưỡng Việt Nam hiện nay*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.
61. Đặng Nghiêm Vạn (2001), *Dân tộc, văn hóa và tôn giáo*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
62. Đặng Nghiêm Vạn (2001), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia.

63. Văn kiện Nghị quyết hội nghị lần thứ V BCH TW khóa VIII (1998), Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội.
64. Văn kiện Nghị quyết hội nghị lần thứ IX BCH TW khóa XI (2014), Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội.
65. Viện dân tộc học (1992), *Các dân tộc Tày – Nùng ở Việt Nam*, Hà Nội.
66. Hà Văn Viễn – Hà Văn Phụng (1973), *Các dân tộc thiểu số ở Tuyên Quang*, Ban Dân tộc tỉnh Tuyên Quang.
67. La Công Ý (2010), *Đến với người Tày và văn hoá Tày*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
68. Nguyễn Thị Yên (2004), *Shaman giáo trong then Tày – Nùng*, Tạp chí nguồn sáng dân gian. 1(2004), 3-14.
69. Nguyễn Thị Yên, Nguyễn Thiên Lữ (2006), *Lễ cấp sắc Pút Nùng*, Nxb văn hóa dân tộc.
70. Nguyễn Thị Yên (2007), *Giao lưu ảnh hưởng của tam giáo và các hình thức cúng bái của người Tày – Nùng*, Tạp chí văn hóa dân gian, 5, 36-46.
71. Nguyễn Thị Yên (2007), *Khảo sát đối tượng thờ cúng trong Then*, Tạp chí nghiên cứu tôn giáo, 3(45), 44-52.
72. Nguyễn Thị Yên (2008), *Dấu ấn cổ sơ trong các hình thức cúng bái Then, Pút của người Tày – Nùng*, Tạp chí nghiên cứu tôn giáo, 2(56), 53-58.
73. Nguyễn Thị Yên (2009), *Tín ngưỡng dân gian Tày, Nùng*, Nxb Khoa học xã hội.

PHỤ LỤC



Ảnh 1: Nam, nữ người Tày tại huyện Lâm Bình, Tuyên Quang
(Nguồn: Phạm Thu Trà)



Ảnh 2: Nhà sàn của người Tày tại Năng Khả, Na Hang, Tuyên Quang
(Nguồn: Phạm Thu Trà)



Ảnh 3: Bàn thờ tổ tiên của người Tày tại Năng Khả, Na Hang, Tuyên Quang
(Nguồn: Phạm Thu Trà)



Ảnh 4: Bàn thờ thành hoàng làng của người Tày tại huyện Lâm Bình, Tuyên Quang
(Nguồn: Phạm Thu Trà)



Ảnh 5: Miếu thờ thổ công của người Tày tại Hàm Yên, Tuyên Quang
(Nguồn: Phạm Thu Trà)



Ảnh 6: Lễ vật thờ cúng của người Tày trong các ngày lễ tết tại huyện Lâm Bình,
Tuyên Quang
(Nguồn: Phạm Thu Trà)



Ảnh 7: Lễ cúng ngày tết Thanh Minh của người Tày tại mộ, huyện Chiêm Hoá, Tuyên Quang
(Nguồn: Phạm Thu Trà)



Ảnh 8: Lễ giải hạn (hay còn gọi là lễ tạ tổ) của người Tày tại huyện Na Hang, Tuyên Quang
(Nguồn: Phạm Thu Trà)